PHÒNG GIÁO DỤC HUYỆN TÂN HIỆP

**TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN AN**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

KIÊN GIANG - 2020

PHÒNG GIÁO DỤC HUYỆN TÂN HIỆP

**TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN AN**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Trần Quốc Hậu | ỦY viên HĐ trường | Uỷ viên |  |
| 2 | Nguyễn Thị Mận | Phó hiệu trưởng | Phó chủ tịch hội đồng |  |
| 3 | Phan Thị Bích Thủy | Chủ tịch BCH công đoàn | Uỷ viên |  |
| 4 | Phạm Văn Kỳ | Hiệu trưởng | Chủ tịch hội đồng |  |
| 5 | Nguyễn Thị Anh | Kế toán - Y tế | Thư ký hội đồng |  |
| 6 | Phạm Thị Hương | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Uỷ viên |  |
| 7 | Nguyển Thị Thùy Trang | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Uỷ viên |  |
| 8 | Trần Minh Đăng | Giáo viên | Uỷ viên |  |
| 9 | Trần Ngọc Phượng | Văn thư - Thủ Quỹ | Uỷ viên |  |
| 10 | Trần Mạnh Hùng | Tổng phụ trách đội | Uỷ viên |  |
| 11 | Nguyễn Thị Ngọc Tuyết | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Uỷ viên |  |
| 12 | Trần Thị Bích Thảo | Giáo viên | Uỷ viên |  |
| 13 | Nguyễn Thị Ngọc Túy | Giáo viên | Uỷ viên |  |

KIÊN GIANG - 2020

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| Mục lục | **1** |
| Danh mục các chữ viết tắt | **4** |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá | **6** |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** | **8** |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **12** |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | **15** |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **17** |
| **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3** | **17** |
| **Tiêu chuẩn 1** | **17** |
| **Mở đầu** | **17** |
| **Tiêu chí 1.1** | **18** |
| **Tiêu chí 1.2** | **20** |
| **Tiêu chí 1.3** | **21** |
| **Tiêu chí 1.4** | **23** |
| **Tiêu chí 1.5** | **25** |
| **Tiêu chí 1.6** | **27** |
| **Tiêu chí 1.7** | **29** |
| **Tiêu chí 1.8** | **30** |
| **Tiêu chí 1.9** | **31** |
| **Tiêu chí 1.10** | **33** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1*** | **34** |
| **Tiêu chuẩn 2** | **35** |
| **Mở đầu** | **35** |
| **Tiêu chí 2.1** | **35** |
| **Tiêu chí 2.2** | **37** |
| **Tiêu chí 2.3** | **39** |
| **Tiêu chí 2.4** | **41** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2*** | **43** |
| **Tiêu chuẩn 3** | **43** |
| **Mở đầu** | **44** |
| **Tiêu chí 3.1** | **44** |
| **Tiêu chí 3.2** | **45** |
| **Tiêu chí 3.3** | **47** |
| **Tiêu chí 3.4** | **49** |
| **Tiêu chí 3.5** | **51** |
| **Tiêu chí 3.6** | **53** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3*** | **54** |
| **Tiêu chuẩn 4** | **55** |
| **Mở đầu** | **55** |
| **Tiêu chí 4.1** | **55** |
| **Tiêu chí 4.2** | **57** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4*** | **59** |
| **Tiêu chuẩn 5** | **59** |
| **Mở đầu** | **60** |
| **Tiêu chí 5.1** | **60** |
| **Tiêu chí 5.2** | **62** |
| **Tiêu chí 5.3** | **64** |
| **Tiêu chí 5.4** | **66** |
| **Tiêu chí 5.5** | **68** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 5*** | **69** |
| **II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4** | **70** |
| **Tiêu chí 1** | **70** |
| **Tiêu chí 2** | **71** |
| **Tiêu chí 3** | **71** |
| **Tiêu chí 4** | **72** |
| **Tiêu chí 5** | **73** |
| ***Kết luận*** | **73** |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | **74** |
| **Phần IV. PHỤ LỤC** | **78** |

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cụm từ viết tắt** | **Cụm từ đầy đủ** |
| 1 | ✔ | Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2. |
| 2 | ATGT | An toàn giao thông |
| 3 | BDTX | Bồi dưỡng thường xuyên |
| 4 | BĐDCMHS | Ban đại diện cha mẹ học sinh |
| 5 | BGD& ĐT | Bộ Giáo dục và Đào tạo |
| 6 | CB - GV - NV | Cán bộ, giáo viên, nhân viên |
| 7 | CGD | Công nghệ giáo dục |
| 8 | CMHS | Cha mẹ học sinh |
| 9 | CSTĐ | Chiến sĩ thi đua |
| 10 | CSVN | Cộng sản Việt Nam |
| 11 | GDNGLL | Giáo dục ngoài giờ lên lớp |
| 12 | GV | Giáo viên |
| 13 | GVDG | Giáo viên dạy giỏi |
| 14 | HS | Học sinh |
| 15 | MN | Mầm non |
| 16 | PCGD | Phổ cập giáo dục |
| 17 | PGD&ĐT | Phòng Giáo dục và Đào tạo |
| 18 | PHHS | Phụ huynh học sinh |
| 19 | PTCS | Phổ thông cơ sở |
| 20 | QĐ | Quyết định |
| 21 | SGD&ĐT | Sở Giáo dục và Đào tạo |
| 22 | TH | Tiểu học |
| 23 | TH & THCS | Tiểu học và Trung học cơ sơ |
| 24 | THCS | Trung học cơ sở |
| 25 | TNTPHCM | Thiếu niên tiền phong Hồ CHí Minh |
| 26 | TPT | Tổng phụ trách |
| 27 | UBND | Ủy ban nhân dân |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

**1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,**  **tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.2 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.5 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X | ✔ |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 2.4 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 3.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.6 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.5 |  | X | X | X |

**Kết quả:** Đạt Mức 2

**1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Kết quả** | | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Không đạt** |
| Tiêu chí 1 |  | X |  |
| Tiêu chí 2 |  | X |  |
| Tiêu chí 3 |  | X |  |
| Tiêu chí 4 |  | X |  |
| Tiêu chí 5 | X |  |  |

**Kết quả:** Không đạt Mức 4

**2. Kết luận: Trường đạt mức 2**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN AN

Tên trước đây (nếu có): TH Tân An 3

Cơ quan chủ quản: Phòng giáo dục huyện Tân Hiệp

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | KIÊN GIANG |  | Họ và tên  hiệu trưởng | Phạm Văn Kỳ |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố | Huyện Tân Hiệp |  | Điện thoại | 0984.742.269 |
| Xã / phường/thị trấn | Xã Tân An |  | Fax |  |
| Đạt CQG |  |  | Website | http://c1tanan3.tanhiep.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 2004 |  | Số điểm trường | 03 |
| Công lập | √ |  | Loại hình khác |  |
| Tư thục |  |  | Thuộc vùng khó khăn |  |
| Trường chuyên biệt |  |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn |  |
| Trường liên kết với nước ngoài |  |  |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** |
| Khối lớp 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 4 |
| Khối lớp 2 | 1 | 1 | 2 | 2 | 3 |
| Khối lớp 3 | 1 | 1 | 2 | 2 | 4 |
| Khối lớp 4 | 1 | 1 | 2 | 2 | 3 |
| Khối lớp 5 | 1 | 1 | 2 | 2 | 3 |
| **Cộng** | 5 | 5 | 10 | 10 | 17 |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Ghi chú** |
| **I** | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 10 | 10 | 20 | 20 | 30 |  |
| 1 | Phòng học | 5 | 5 | 10 | 10 | 17 |  |
| a | Phòng kiên cố | 5 | 5 | 9 | 9 | 15 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 1 | 1 | 2 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | 3 | 3 | 6 | 6 | 10 |  |
| a | Phòng kiên cố | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 3 | 3 | 7 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Khối phục vụ học tập | 2 | 2 | 3 | 3 | 3 |  |
| a | Phòng kiên cố | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 1 | 1 | 1 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **II** | Khối phòng hành chính-quản trị | 3 | 3 | 5 | 8 | 10 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 3 | 3 | 3 | 5 | 7 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 0 | 0 | 2 | 3 | 3 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **III** | Thư viện | 1 | 1 | 2 | 2 | 3 |  |
| **IV** | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | **Cộng** | 14 | 14 | 26 | 29 | 43 |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| Phó hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 1 |  |
| Giáo viên | 25 | 19 | 0 | 0 | 0 | 25 |  |
| Nhân viên | 3 | 2 | 0 | 0 | 1 | 2 |  |
| **Cộng** | 30 | 22 | 0 | 0 | 1 | 29 |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 8 | 8 | 16 | 15 | 25 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/lớp | 1.6 | 1.6 | 1.5 | 1.5 | 1.5 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/học sinh | 18.3 | 19 | 18.1 | 18.6 | 17.8 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 2 | 7 | 8 | 8 | 8 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 2 | 2 |
| 6 | Các số liệu khác (nếu có) |  |  |  |  |  |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số học sinh | 147 | 152 | 289 | 280 | 446 |  |
| *- Nữ* | 65 | 71 | 134 | 132 | 219 |  |
| *- Dân tộc* | 6 | 7 | 7 | 5 | 6 |  |
| *- Khối lớp 1* | 35 | 36 | 57 | 59 | 101 |  |
| *- Khối lớp 2* | 27 | 35 | 55 | 52 | 76 |  |
| *- Khối lớp 3* | 29 | 28 | 65 | 50 | 96 |  |
| *- Khối lớp 4* | 24 | 28 | 59 | 62 | 79 |  |
| *- Khối lớp 5* | 32 | 25 | 53 | 57 | 94 |  |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 35 | 35 | 56 | 54 | 99 |  |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 147 | 152 | 289 | 280 | 446 |  |
| 4 | Bán trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 5 | Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 6 | Bình quân số học sinh/lớp | 29.4 | 30.4 | 28.9 | 28 | 26.2 |  |
| 7 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 91.2 | 91.3 | 93.7 | 94.2 | 87,3 |  |
| *- Nữ* | 93.8 | 91.5 | 94.7 | 94 | 91,3 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 60 | 85.7 | 85.7 | 100 | 100 |  |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 30 | 28 | 23 | 16 | 28 |  |
| *- Nữ* | 17 | 11 | 11 | 8 | 14 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 4 | 2 | 2 | 1 | 1 |  |
| 11 | Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
|  | Các số liệu khác (nếu có) |  |  |  |  |  |  |

b) Kết quả giáo dục

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2014-2015** | **Năm học 2015-2016** | **Năm học 2016-2017** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Ghi chú** |
| Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 | 100 | 100 | 100 | 100 | 100 |  |
| Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học | 99.3 | 100 | 98.9 | 98.2 | 99.5 |  |
| Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 93.9 | 95.5 | 96 | 96.2 | 98.8 |  |
| Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 97.6 | 98.2 | 97.7 | 98.7 | 99.5 |  |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Tháng 1 năm 2004 xã Tân An được tách ra từ xã Tân Hiệp A. Đến tháng 8 năm 2004 Trường TH Tân An 3 được thành lập trên cơ sở chia tách từ trường PTCS Tân Hiệp A3 theo quyết định số 869/2004/QĐ-CT, Tân Hiệp, ngày 25 tháng 8 năm 2004. Trường được tọa lạc tại ấp Tân Long, xã Tân An, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang. Đến tháng 1 năm 2017 trường được ghép chung lại với trường TH Tân An 5, thuộc ấp kinh 5B, xã Tân An và vẫn giữ tên là Trường TH Tân An 3. Tháng 6/2019 UBND huyện Tân Hiệp ban hành Quyết định số 2588/QĐ-UBND, ngày 07/6/2019 của Chủ tịch UBND huyện Tân Hiệp về việc sáp nhập trường TH Tân An 2 vào Trường TH Tân An 3 và đổi tên Trường TH Tân An 3 thành trường TH Tân An.

Hiện tại, địa bàn xã có một trường TH&THCS, một trường TH và một trường MN; Nhân dân trong xã chủ yếu sống bằng nghề nông, số dân theo đạo Thiên Chúa chiếm 85%, đời sống kinh tế khá ổn định, là một trong những đơn vị dẫn đầu trong huyện về công tác PCGD tiểu học đúng độ tuổi mức độ III và được công nhận xã nông thôn mới năm 2015. Với diện tích 8840m2, trường được thiết kế, xây dựng khang trang gồm phòng học và các phòng chức năng. Mỗi phòng có diện tích 48 m2, thoáng mát, đảm bảo ánh sáng, được trang tủ, kệ … và đầy đủ bàn ghế đúng kích thước phù hợp với tầm vóc của học sinh. Diện tích còn lại dành cho việc trồng cây xanh, sân chơi... hỗ trợ tốt cho công tác dạy và học.

 Từ năm 2008, được sự quan tâm của PGD&ĐT huyện Tân Hiệp, chính quyền các cấp và BĐDCMHS, nhà trường bắt đầu đi vào xây dựng cơ sở vật chất và đã hoàn thành tổng công trình với 8 phòng học mới, tu sửa 4 phòng chức năng, mở rộng sân chơi, dựng nhà để xe cho HS. Trường có hàng rào được xây dựng kiên cố và hàng rào lưới B40, có hệ thống cống thoát nước, nhà vệ sinh cho HS và GV. Nhằm để đảm bảo chất lượng giáo dục, nhà trường đã tích cực đầu tư trang thiết bị phục vụ cho công tác dạy và học như: máy tính, đàn organ,  máy chiếu Projector; màn hình ti vi, … phục vụ cho việc dạy học của GV và HS. Đồng thời, nhà trường còn được trang bị thêm thiết bị dùng chung theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thư viện trường đã được Sở GD&ĐT công nhận đạt chuẩn theo QĐ 01/2003/QĐ-BGDĐT, ngày 02/01/2003 của Bộ GD&ĐT. Thư viện có đủ các loại sách để CB-GV-NV tham gia đọc, tìm hiểu và tham khảo, hỗ trợ trong thực hiện nhiệm vụ.

Nhà trường có đầy đủ các vị trí việc làm theo Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; có 100% CB-GV-NV có trình độ đạt chuẩn trở lên, trong đó 96,6% đạt trên chuẩn. Trong thực hiện nhiệm vụ, CB-GV-NV trường luôn có tinh thần tự học tập, tự bồi dưỡng và phấn đấu vươn lên nên trong 5 năm qua tỉ lệ CB-GV-NV được đánh giá, xếp loại xuất sắc luôn chiếm trên 50% trong tổng số nhân sự toàn trường. Số GV dạy giỏi cấp huyện luôn chiếm trên 40% tổng số GV

Trường có Chi bộ độc lập với 13 đảng viên, 5 năm qua Chi bộ đều được Đảng ủy Xã Tân An công nhận chi bộ trong sạch vững mạnh; các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đều được công nhận vững mạnh trở lên;

Trường có 17 lớp với 446 HS, bình quân 26,2  HS/lớp; số HS thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo và gia đình có hoàn cảnh khó khăn có 28 em, chiếm 6,3% so với tổng số HS toàn trường

 Về quản lý chất lượng giáo dục của nhà trường, lãnh đạo và các đoàn thể trong nhà trường luôn coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của mỗi năm học. Việc thực hiện chương trình được thực hiện theo quy định và kịp thời. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí và giảng dạy được chú trọng. Đến nay, có 25/25 GV biết ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy. Trong quản lý, nhà trường đã xây dựng được cơ sở dữ liệu học sinh để phục vụ công tác quản lý về số lượng, độ tuổi, ... Đồng thời sử dụng các phần mềm thống kê và quản lý khác như: phần mềm cơ sở dữ liệu ngành, quản lý phổ cập giáo dục, Smax3.0, Misa, ... Việc chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ cũng là một điểm sáng trong công tác quản lý; tỉ lệ HS được khen thưởng hằng năm đều đạt trên 30%.

 Về quản lý tài chính, tài sản, nguồn kinh phí hoạt động của nhà trường được cấp từ ngân sách nhà nước và tăng dần theo từng năm, đảm bảo để chi trả lương, các chế độ chính sách và kinh phí hoạt động của nhà trường. Việc thực hiện quản lý luôn đảm bảo theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm; Trong chi tiêu luôn đảm bảo đúng theo Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị, được công khai, minh bạch, rõ ràng, thể hiện tính dân chủ và thực hiện tốt theo Luật ngân sách, Luật thực hành tiết kiệm và chống lãng phí, Luật phòng chống tham nhũng. Tài sản của nhà trường được bổ sung, củng cố, phục vụ cho các hoạt động của nhà trường và đạt hiệu quả cao; được quản lý chặt chẽ.

Nhà trường đã đạt danh hiệu “Xanh - sạch - đẹp” vào năm 2009 và được công nhận đạt chuẩn xanh - sạch - đẹp và an toàn mức độ 2 năm học 2016 – 2017, được kiểm tra công nhận lại năm học 2019 - 2020. Năm học 2014 -2015 trường đã tham gia dạy học theo mô hình trường học mới  mở rộng. Nhiều năm qua, chi bộ trường luôn đạt trong sạch vững mạnh. Năm học 2015- 2016; năm học 2016 - 2017; năm học 2017 – 2018 và năm học 2018 – 2019  nhà trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc được UBND tỉnh tặng bằng khen.

Mục đích quá trình tự đánh giá là nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí để xây dựng kế hoạch, biện pháp nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường, để đáp ứng với mục tiêu giáo dục của nhà trường trong từng giai đoạn. Tiến hành thông báo công khai với các cơ quan chức năng và xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của trường, để các cơ quan chức năng đánh giá và công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, từ đó nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Về phạm vi tự đánh giá theo *Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học* ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Công văn số 217/SGDĐT-KT&KĐCLGD, ngày 18/02/2019 của Sở GD&ĐT Kiên Giang về việc thực hiện công tác kiểm định giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia từ năm học 2018 – 2019.

 Quá trình tự đánh giá, ngay khi Thông tư số 17/2018//TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của BGD&ĐT ban hành về theo *Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học*, nhà trường đã tiến hành các công việc để thực hiện, trước hết đã triển khai quán triệt tinh thần của Thông tư đến tập thể nhà trường. Đồng thời đã cử các bộ, giáo viên tham gia lớp tập huấn về đánh giá kiểm định chất lượng theo Thông tư này do Sở GD&ĐT và Phòng GD&ĐT tổ chức. Trên cơ sở đó, nhà trường đã kiện toàn Hội đồng Tự đánh giá, theo đó, Hội đồng có 13 thành viên với cơ cấu: Chủ tịch hội đồng là hiệu trưởng; 01 Phó chủ tịch hội đồng là phó hiệu trưởng; 01 Thư ký hội đồng là nhân viên có năng lực của nhà trường và 10 ủy viên là đại diện Hội đồng trường, các tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng; đại diện cấp ủy Đảng và các tổ chức đoàn thể; đại diện giáo viên; các thành viên của Hội đồng được phân công nhiệm vụ cụ thể. Để giúp việc cho Hội đồng, nhà trường đã phân công 7 nhóm công tác, trong đó có 1 nhóm thư ký, 6 nhóm công tác để triển khai tự đánh giá 5 tiêu chuẩn và các tiêu chí mức 4. Trên cơ sở đó, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tự đánh giá.

 Trong quá trình tự đánh giá, luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo của các cấp, sự chỉ đạo và tư vấn về chuyên môn của PGD&ĐT và SGD&ĐT kịp thời, tập thể nhà trường có sự đồng thuận và quyết tâm thực hiện tự đánh giá … Bên cạnh đó, trước đây, hằng năm nhà trường cũng đã tiến hành đánh giá theo Thông tư 42/2012/TT-BGDĐT, từ năm học 2018 - 2019 chuyển sang tự đánh giá theo Thông tư 17/2018/TT-BGDĐT nên có nhiều bỡ ngỡ do có nhiều tiêu chí với nội hàm đánh giá theo chiều sâu với mức yêu cầu cao, nhất là đối với mức 2, mức 3 và đặt biệt là mức 4. Qua thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng; viết báo cáo tự đánh giá; …  nhà trường đã thấy rõ điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí và thảo luận, thống nhất kế hoạch cải tiến chất lượng. Cụ thể, về tổ chức và quản lý, nhà trường hoạt động theo định hướng chiến lược cụ thể phù hợp với quy định và tình hình thực tế, có các tổ chức Đảng, đoàn thể hoạt động hiệu quả; có cơ cấu tổ chức hợp lý và hoạt động hiệu quả, công tác quản lý và thực hiện quy chế dân chủ có nề nếp và đúng quy định. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên viên có chất lượng cao, năng lực công tác tốt; học sinh chăm ngoan, học tốt, được chăm lo và đảm bảo các quyền theo quy định. Cơ sở vật chất của nhà trường đáp ứng được yêu cầu ở mức cao. Có sự phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc chăm lo và giáo dục học sinh. Hoạt động giáo dục của nhà trường đảm bảo mục tiêu giáo dục tiểu học theo quy định và bám sát mục tiêu giáo dục của nhà trường; qua đó chất lượng giáo dục luôn được duy trì ở mức cao. Tuy vậy, đối với mức 3 và đặc biệt là mức 4, còn một số tiêu chí nhà trường cần phải tập trung phấn đấu theo lộ trình và giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng của nhà trường.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**:

Xác định tổ chức và quản lý nhà trường là một trong những nhiệm vụ hết sức quan trọng, mang tính quyết định đến hiệu quả hoạt động của nhà trường. Chính vì vậy, trường Tiểu học Tân An luôn chú trọng xây dựng bộ máy cơ cấu tổ chức ngay từ đầu mỗi năm học. Bộ máy cơ cấu tổ chức  của trường được thành lập đúng, đủ theo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học. Học sinh của trường có đủ 5 khối lớp, từ khối lớp Một đến khối lớp Năm. Để xác định tầm nhìn, sứ mạng, định hướng phát triển, nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển và các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn. Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập đầy đủ, hoạt động hiệu quả.Trường có chi bộ sinh hoạt độc lập, các đảng viên và chi bộ luôn thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao.Các tổ chuyên môn của trường hoạt động có nề nếp, thường xuyên sinh hoạt theo nghiên cứu bài học để đổi mới phương pháp và nâng lên chất lượng giảng dạy. Tổ Văn phòng với biên chế đầy đủ, hàng năm thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định. Công tác quản lý và triển khai các hoạt động giáo dục cho học sinh được tiến hành theo một nề nếp khoa học, có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa Lãnh đạo nhà trường, các tổ chuyên môn, giáo viên, nhân viên và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường.Trong quá trình hoạt động, các loại hồ sơ của nhà trường được mở và lưu trữ đầy đủ, khoa học. Chế độ thông tin và báo cáo được thực hiện nghiêm túc. Hàng năm, trường đã triển khai một cách thường xuyên, hiệu quả công tác tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Quy chế dân chủ trong nhà trường được xây dựng và củng cố hàng năm, từ đó huy động tập hợp trí tuệ tập thể xây dựng nhà trường ngày càng vững mạnh.Trường luôn chú trọng và có đầy đủ các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, phòng chống bạo lực học đường để xây dựng môi trường nhà trường an toàn, lành mạnh, giúp giáo viên và học sinh yên tâm dạy và học. Do vậy, nhiều năm liền trường được công nhận danh hiệu Tập thể Lao động Tiên tiến, Tập thể Lao động xuất sắc, các đoàn thể được xếp loại từ vững mạnh trở lên, điều đó khẳng định quá trình phấn đấu ngày một đi lên của nhà trường.

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Để tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được trong những năm qua và phát triển nhà trường lên một tầm cao mới, nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược giáo dục dài hạn: giai đoạn 2015-2020 tầm nhìn đến năm 2025; và các kế hoạch trung hạn: giai đoạn 2015 - 2017 và 2017 - 2020. Các kế hoạch phù hợp với mục tiêu của giáo dục phổ thông được quy định tại Luật giáo dục (Điều 27 văn bản hợp nhất Luật giáo dục số 07/VBHN-VPQH ngày 31 tháng 12 năm 2015) và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.[H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03].

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường các giai đoạn 2015 - 2020; 2015 - 2017 và giai đoạn 2017 - 2020 được ban hành bằng văn bản và được Phòng GDĐT Tân Hiệp phê duyệt đầy đủ. Căn cứ vào phương hướng, chiến lược đã được phê duyệt nhà trường cụ thể hóa để thực hiện chỉ tiêu nhiệm vụ từng năm học [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

Phương hướng chiến lược phát triển nhà trường các giai đoạn sau khi được phê duyệt,mới chỉ được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại điểm chính và các điểm trường để nhân dân biết, theo dõi và giám sát chưa đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường,của PGD&ĐT[H1-1.1-04].

Mức 2:

Để đảm bảo các kế hoạch được thực thi có hiệu quả, nhà trường đã có những giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng xây dựng và phát triển, thể hiện rõ qua việc phân công Hội đồng trường định kỳ thực hiện việc giám sát;Huy động các lực lượng, tổ chức đoàn thể và cộng đồng cùng giám sát.Các giải pháp giám sátcủa Hội đồng trường được thể hiện trong biên bản các kỳ họp, trong nội dung các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học. Tuy nhiên việc giám sát đôi khi chưa chặt chẽ, do đó tiến độ thực hiện kế hoạch có khi chưa đầy đủ, kịp thời [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06]; [H1-1.1-07].

Mức 3:

Định kỳ hàng năm, trường đều tổ chức rà soát, đánh giá và bổ sung việc thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường về chỉ tiêu phấn đấu và giải pháp thực hiện để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ năm học.Quá trình tổ chức xây dựng phương hướng chiến lược và phát triển nhà trường có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, CB quản lý, GV và NV nhưng chưa có sự tham gia của CMHS và cộng đồng [H1-1.1-06].

**2. Điểm mạnh**

Kế hoạch chiến lược được xây dựng phù hợp với thực tế của nhà trường, với chủ trương, chính sách của UBND xã Tân An và định hướng chỉ đạo của PGD&ĐT Tân Hiệp. Các mục tiêu trong chiến lược phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương và mục tiêu giáo dục phổ thông. Những chỉ tiêu, mục tiêu thể hiện trong chiến lược phát triển nhà trường thể hiện sự quyết tâm cao nhằm xây dựng và phát triển nhà trường thành trường Chuẩn quốc gia.

**3. Điểm yếu**

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường khi xây dựng chưa có sự tham gia của CMHS và cộng đồng; chưa được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng như trang thông tin điện tử của nhà trường, của phòng giáo dục và đào tạo. Nguyên nhân do khi tổ chức họp chưa mời phụ huynh và đại diện cộng đồng tham gia.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ  năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo, căn cứ tình hình thực tế từng giai đoạn, nhà trường tiếp tục thực hiện đạt các chỉ tiêu mà chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đã đề ra đến cuối năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025. Bên cạnh đó, nhà trường thường xuyên đăng tải và công bố phương hướng chiến lược rộng rãi trên website của trường, của ngành để người dân được tiếp cận kịp thời. Khi xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025 cần mời thêm đại diện CMHS và cộng đồng cùng tham gia để tập hợp ý kiến rộng rãi toàn diện hơn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường có Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định số 357/QĐ-PGDĐT, ngày 27/01/2015 của PGD&ĐT huyện Tân Hiệpcó đầy đủ thành phần theo quy định tại Điều 23 Điều lệ trường Tiểu học; Ngoài ra, trường còn thành lập các Hội đồng khác như: Hội đồng Thi đua-Khen thưởng; Hội đồng xét nâng lương; Hội đồng thẩm định sáng kiến; Hội đồng thi giáo viên dạy giỏi. [H1-1.2-01]; [H1- 1.2- 02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]

Hội đồng trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 23, Điều lệ trường Tiểu học như: Quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục; Quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học; Quyết nghị về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường, giám sát hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; Hội đồng Thi đua-Khen thưởng giúp hiệu trưởng tổ chức các phong trào thi đua, đề nghị khen thưởng đối với CB -GV- NV; Hội đồng xét nâng lương kịp thời  đề nghị nâng lương và phụ cấp thâm niên nghề để đảm bảo chế độ chính sách cho CB-GV-NV. Hội đồng thẩm định sáng kiến thực hiện nhiệm vụ đảm bảo khách quan, công bằng. Hội đồng thi giáo viên dạy giỏi có nhiệm vụ tổ chức thi và công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường theo quy định.[H1-1.2-05]; [H1-1.2-06]; [H1-1.2-07].

Hoạt động của các Hội đồng, mỗi năm đều được rà soát, đánh giá và điều chỉnh sau mỗi học kỳ và mỗi năm học, qua các đợt sơ - tổng kết, nhằm phù hợp với tình hình thực tế và nâng lên chất lượng hoạt động[H1-1.2-08].

Mức 2:

Hội đồng trường quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục, hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Hội đồng Thi đua-Khen thưởng, thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng. Các hội đồng chấm sáng kiến; Hội đồng thi giáo viên dạy giỏi; Hội đồng xét nâng lương, làm việc công khai, minh bạch, rõ ràng, nên đã động viên, thúc đẩy CB-GV-NV của nhà trường tích cực công tác.Từ đó mọi hoạt động đều đạt hiệu quả khả quan, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Cụ thể như tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học năm học 2014 - 2015 đạt 99,3% đã nâng lên 99,5% vào năm học 2018-2019. Tuy nhiên, trong mỗi Hội đồng cũng còn thành viên chưa hoạt động tích cực, đều tay, do phải kiêm nhiệm nhiều công tác khác nhau như: vừa là  tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng công đoàn, phó bí thư chi bộ nên thời gian bị hạn hẹp không nghiên cứu sâu các văn bản chỉ đạo để thực hiện nhiệm vụ. [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06]; [H1-1.2-09];[H1-1.2-10]

**2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường và các Hội đồng khác được thành lập và cơ cấu thành phần đúng theo quy định, đã tư vấn hiệu quả cho hiệu trưởng trong việc thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường. Trong hoạt động, các Hội đồng trong nhà trường có sự thống nhất cao, mọi hoạt động đều đúng theo quy chế, quy định và kế hoạch đề ra, góp phần nâng lên chất lượng giáo dục của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Trong từng Hội đồng, còn thành viên chưa sắp xếp thời gian khoa học để nghiên cứu sâu các văn bản chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, do vậy việc tham gia đóng góp ý kiến hoạt động của Hội đồng còn hạn chế, kết quả hoạt động Hội đồng trường có lúc chưa đạt cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh của các hội đồng, đồng thời kịp thời củng cố kiện toàn các Hội đồng theo quy định và thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy chế hoạt động để nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng trường cần quán triệt rõ chức năng, nhiệm vụ đến từng thành viên trong Hội đồng để từng cá nhân thực thi có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ của mình. Các thành viên trong từng Hội đồng cần sắp xếp thời gian khoa học, hợp lý để nghiên cứu sâu các văn bản chỉ đạo, từ đó thực hiện nhiệm vụ tốt hơn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường có tổ chức Công đoàn được thành lập theo điều lệ Công đoàn, hiện có 27/27 đoàn viên. Ban chấp hành công đoàn có 5 thành viên.Có Liên đội TNTPHCM; Có sao Nhi đồng Hồ Chí Minh. Các đoàn thể và tổ chức được thành lập đúng theo qui định[H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]..

Các đoàn thể như: Công đoàn, Liên đội TNTPHCM  hoạt động theo Điều lệ của mỗi đoàn thể và của pháp luật. Luôn có sự kết hợp chặt chẽ, do đó đã có nhiều đóng góp tích cực cho hoạt động giáo dục của nhà trường như tuyên truyền giáo dục chính trị, tư tưởng cho công đoàn viên; giáo dục đạo đức, lối sống, kĩ năng sống cho HS, tổ chức các phong trào thi đua, hưởng ứng thực hiện các hoạt động an sinh, xã hội…Các hoạt động được thể hiện qua kế hoạch năm, học kỳ, tháng, tuần, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.3-02];[H1-1.3-04].

Tất cả các hoạt động của Công đoàn, Đội TNTPHCM đều được rà soát đánh giá, báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm.Từ đó các đoàn thể tiếp tục phát huy những điểm mạnh và khắc phục những mặt còn hạn chế thiếu sót để nâng lên chất lượng hoạt động, góp phần xây dựng nhà trường ngày càng phát triển đi lên[H1-1.3-04]; [H1-1.3-05].

Mức 2:

Trường có Chi bộ Đảng độc lập, được thành lập năm 2012 và hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam. Hiện nay, chi bộ có 13 đảng viên, chiếm 44,8% trong  tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên toàn trường. Có Ban Chi ủy chi bộ với 3 đồng chí, gồm: Bí thư, phó Bí thư và 1 chi ủy viên. Chi bộ hoạt động theo quy định, hàng tháng duy trì tốt công tác họp lệ để đánh giá kết quả hoạt động của tháng qua và định hướng kế hoạch hoạt động cho tháng tới. Ngoài ra chi bộ còn tổ chức sinh hoạt theo chuyên đề và thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo quy định. Trong 05 năm liên tiếp, từ năm 2014 đến năm 2018, chi bộ luôn được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên[H1-1.3-06]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08].

Hàng năm, công đoàn phối hợp tổ chức tốt các phong trào thi đua dạy tốt - học tốt; kịp thời chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công đoàn viên; Liên đội TNTPHCM tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp, phát động các phong trào thi đua tuần học tốt, đôi bạn cùng tiến, giáo dục an toàn giao thông, giữ gìn vệ sinh, môi trường, phòng chống bạo lực học đường... Từ đó các đoàn thể đã có nhiều đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường như giáo viên thi đua giảng dạy tốt hơn, học sinh chăm, ngoan hơn, kết quả học tập đạt cao hơn[H1-1.3-04]; [H1-1.3-05].

Mức 3:

Chi bộ nhà trường luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được giao. Từ năm 2014 đến năm 2018 chi bộ luôn được cấp trên công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-08].

Với sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của chi bộ, cùng với chính quyền, các bộ phận đoàn thể trong nhà trường hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao các mặt hoạt động của nhà trường và đóng góp tích cực cho cộng đồng như: Công đoàn làm tốt công tác vận động quần chúng thi đua yêu nước; Đoàn - Đội làm tốt công tác giáo dục đạo đức, lối sống, lí tưởng sống cho thiếu niên, nhi đồng, chăm lo các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa… Với những thành tích đạt được, công đoàn trường đã được công nhận Công đoàn vững mạnh 5 năm liền từ năm học 2014-2015 đến năm học 2018-2019. Liên đội trường được công nhận liên đội xuất sắc năm học 2017-2018, các năm còn lại đều đạt Liên đội Mạnh. Tuy nhiên, đôi khi công đoàn chưa theo dõi chặt chẽ ngày giờ công của công đoàn viên tại điểm trường lẻ [H1-1.3-09]; [H1-1.3-10].

**2. Điểm mạnh**

Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định, hoạt động hiệu quả, góp phần nâng lên chất lượng giáo dục nhà trường. Chi bộ Đảng nhà trường luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được giao, 5 năm liền được công nhận hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Công đoàn làm tốt vai trò chức năng chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công đoàn viên từ đó tạo động lực cho đội ngũ giáo viên tích cực công tác.

**3. Điểm yếu**

Công đoàn chưa theo dõi chặt chẽ ngày giờ công của công đoàn viên. Nguyên nhân, do trường có nhiều điểm lẻ nên việc theo dõi giám sát chưa được thường xuyên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục chỉ đạo các đoàn thể thực hiện tốt công tác phối hợp và duy trì những thành tích đạt được của các đoàn thể trong nhà trường. Bênh cạnh đó, Ban Chấp hành Công đoàn phối hợp với bộ phận chuyên môn phân công giáo viên trong Ban Chấp hành Công đoàn phụ trách điểm lẻ để thường xuyên theo dõi việc thực hiện ngày giờ công đảm bảo đúng theo qui định.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường Tiểu học Tân An là trường hạng III, có Hiệu trưởng và 01 Phó hiệu trưởng, đảm bảo theo quy định tại Điều 6, Thông tư 16/2017/ TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo[H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

Hàng năm, trường thành lập tổ văn phòng và các tổ chuyên môn, đảm bảo cơ cấu đúng theo qui định của điều lệ trường Tiểu học. Năm học 2018 - 2019 trường có tổ văn phòng và 3 tổ chuyên môn. Các tổ chuyên mốn gồm: Tổ chuyên môn Khối 1; tổ chuyên môn Khối 2, 3; tổ chuyên môn Khối 4,5. Các tổ chuyên môn đều có tổ trưởng và có tổ phó khi tổ có đủ bảy thành viên trở lên [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Căn cứ Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường, Kế hoạch tháng của Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo năm, tháng, tuần. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức sinh hoạt định kỳ 2 tuần/1 lần, sinh hoạt đột xuất khi có nhu cầu công việc. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện tốt các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ trường Tiểu học như: Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho GV, triển khai các văn bản có liên quan, đánh giá viên chức, chuẩn nghề nghiệp GV, giới thiệu tổ trưởng, tổ phó, bình xét thi đua khen thưởng, báo cáo, thống kê... được thể hiện đầy đủ trong sổ nghị quyết của các tổ[H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08]; [H1-1.4-09]; [H1-1.4-10]; [H1-1.4-11].

Mức 2:

Hằng năm, mỗi tổ chuyên môn đều xây dựng ít nhất 1 chuyên đề và triển khai toàn trường giúp GV trao đổi, rút ra kinh nghiệm và vận dụng vào công tác giảng dạy của bản thân, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Các chuyên đề của các tổ như: Phương pháp dạy bài luật chính tả Tiếng Việt lớp 1 Công nghệ Giáo dục; Hướng dẫn học sinh lớp 2 làm tốt vai trò của Hội đồng tự quản; Hướng dẫn học sinh giải toán có lời văn lớp 3; Rèn kĩ năng đổi đơn vị đo lường cho học sinh lớp 5; Một số biện pháp giúp học sinh lớp 5 phân biệt từ nhiều nghĩa - Từ đồng nghĩa -Từ đồng âm; …Tuy nhiên, chất lượng sinh hoạt một vài chuyên đề của các tổ nội dung chưa phong phú, tổ chức còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao[H1-1.4-12].

Mỗi tháng tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt 2 lần, mỗi lần sinh hoạt đều có rà soát, đánh giá các hoạt động và bổ sung, điều chỉnh các hoạt động cho phù hợp trong thời gian tiếp theo[H1-1.4-06].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn như: kiểm tra ký duyệt hồ sơ, kế hoạch giảng dạy, dự giờ, tổ chức sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, hội giảng; chọn cử GV tham gia các hội thi GV dạy giỏi, GV chủ nhiệm giỏi; tham gia đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp GV theo quy định . Tổ văn phòng thường xuyên giúp HT thực hiện nhiệm vụ quản lí hành chính, tài chính, tài sản nhà trường và thống kê, báo cáo.  Từ đó góp phần nâng cao chất lượng dạy-học của nhà trường. Song trong quá trình thực hiện nhiệm vụ các tổ chuyên môn có đôi khi  hoạt động chưa đều tay, có lúc hiệu quả chưa đạt cao, tổ văn phòng có lúc thống kê, báo cáo còn chậm [H1-1.4-07]; [H1-1.4-10].

Tổ chuyên môn thực hiện có hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. Các chuyên đề thực hiện có hiệu quả đó là dạy học Tiếng Việt lớp 1 công nghệ giáo dục; Hướng dẫn học sinh lớp 2 làm tốt vai trò của Hội đồng tự quản; Hướng dẫn học sinh giải toán có lời văn lớp 3. Tuy nhiên cũng còn một vài chuyên đề chưa đem lại hiệu quả cao do khâu chuẩn bị chưa được kỹ lưỡng, các thành viên tổ chuyên môn chưa nghiên cứu sâu H1-1.4-13].

.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có cơ cấu bộ máy tổ chức đầy đủ, đảm bảo theo quy định. Lãnh đạo nhà trường có đủ số lượng, có trình độ năng lực quản lý, thực hiện tốt nhiệm vụ của ngành đề ra, luôn nhiệt tình, tâm huyết với công việc, có sự đoàn kết nhất trí cao.Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đạt hiệu quả cao. Sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề được chú trọng từ đó đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

 Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn đôi khi chưa phong phú, chưa có nhiều ý kiến đóng góp. Trong xử lí một số công việc tại tổ như việc đánh giá xếp loại giáo viên; việc bình xét thi đua khen thưởng, còn tình trạng e dè, nể nang, ngại va chạm. Một vài chuyên đề chuyên môn khi triển khai còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao do các thành viên tổ chưa chuẩn bị, nghiên cứu kỹ trước khi thực hiện.Tổ văn phòng đôi khi báo cáo, thống kê chưa kịp thời.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được và sớm khắc phục những mặt còn yếu. Ngay trong năm học 2019-2020 lãnh đạo nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn tiếp tục nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên đề. Tăng cường đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, bài học minh họa, bồi dưỡng giúp đỡ chuyên môn nghiệp vụ những giáo viên còn hạn chế; tạo điều kiện cho giáo viên được tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ để nâng cao tay nghề. Hiệu trưởng, Phó HT sắp xếp thời gian cùng dự sinh hoạt với tổ chuyên môn để có những chỉ đạo sâu sát, kịp thời. Hiệu trưởng cần động viên, khuyến khích để các GV mạnh dạn đóng góp xây dựng đơn vị và đồng nghiệp. Nhân viên văn phòng cần kịp thời thống kê, báo cáo.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học**

Mức 1:

a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;

b) Học sinh đ ược tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;

b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;

c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trong 5 năm học vừa qua, mỗi năm nhà trường đều có đủ 5 khối lớp cấp tiểu học, từ khối 1 đến khối 5. Cụ thể như sau: Năm học 2014- 2015 có 5 lớp, mỗi khối có 1 lớp; Năm học 2015- 2016 có 5 lớp, mỗi khối có 1 lớp; Năm học 2016- 2017 có 10 lớp, mỗi khối có 2 lớp; Năm học 2017- 2018 có10 lớp, mỗi khối có 2 lớp; Năm học 2018- 2019 trường có 17 lớp gồm: Khối lớp 1 có 4 lớp; Khối lớp 2 có 3 lớp. Khối lớp 3 có 4 lớp; Khối lớp 4 có 3 lớp. Khối lớp 5 có 3 lớp [H1-1.5-01].

Học sinh của trường được tổ chức theo các lớp học. Hiện tại lớp Một đang học chương trình Tiếng Việt Công  nghệ Giáo dục. Các lớp từ 2 đến 5 học theo học mô hình trườnghọc mới. Mỗi lớp học của trường đều có sĩ số dưới 35 học sinh. Trong mỗi lớp đều có hội đồng tự quản hoặc ban cán sự lớp và học sinh trong các lớp được chia thành các nhóm hoặc tổ theo quy định[H1-1.5-02]; [H1-1.5-01].

Các lớp học của nhà  trường hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. HS được tự đánh giá, tham gia đánh giá bạn, được tự ứng cử các chức danh của hội đồng tự quản hoặc đề cử và bình bầu cho bạn. Các em được học tập trên tinh thần tự quản, được tham gia các hoạt động giáo dục, được quyền đưa ra ý kiến của mình cùng bạn bè trao đổi để tiếp thu kiến thức một cách chủ động. Học sinh từ lớp 2 đến lớp 5 được học theo  mô hình trường học mới,  HS lớp 1 học chương trình TV1- CNGD. Hình thức tổ chức dạy học chú trọng nguyên tắc tự chủ, đề cao vai trò tự học, tôn trọng sự sáng tạo của học sinh [H1-1.5-03].Tuy nhiên, trường vẫn còn một vài học sinh chưa chú trọng đến việc học do cha mẹ đi làm ăn xa thiếu đôn đốc, nhắc nhở[H1-1.5-03].

Mức 2:

Mỗi năm học, nhà trường có không quá 30 lớp. Cụ thể: Năm học 2014- 2015 có 5 lớp. Năm học 2015- 2016 có 5 lớp. Năm học 2016- 2017 có 10 lớp. Năm học 2017- 2018 có 10 lớp. Năm học 2018- 2019 có 17 lớp, có đầy đủ danh sách đính kèm[H1-1.5-01].

Trong các năm học qua, nhà trường có sĩ số HS/lớp đảm bảo theo quy định. Cụ thể: Năm học 2014-2015, nhà trường có 147 HS/5 lớp, bình quân 29,4 HS/lớp. Năm học 2015-2016, nhà trường có 152 HS/5 lớp, bình quân 30,4 HS/lớp. Năm học 2016-2017, nhà trường có 289 HS/10 lớp, bình quân 28,9 HS/lớp. Năm học 2017-2018, nhà trường có 280 HS/10 lớp, bình quân 28 HS/lớp. Năm học 2018-2019, nhà trường có 446 HS/17 lớp, bình quân 26,2 HS/lớp [H1-1.5-01].

Các lớp học được tổ chức linh hoạt, phù hợp với điều kiện của nhà trường. Ngay từ đầu năm học 2014 - 2015 trường đã áp dụng mô hình trường học mới vào giảng dạy, có 100% GV từ lớp 2 đến lớp 5 tham gia thực hiện.Thông qua đó HS được hoạt động, trải nghiệm, tìm ra kiến thức mới dưới sự hướng dẫn của GV. Từ đó, các em dễ hiểu, nhớ lâu, khắc sâu kiến thức, chất lượng học tập của các em ngày càng được nâng lên[H1-1.4-09].

**2. Điểm mạnh**

Trường có quy mô nhỏ, cơ cấu lớp, HS/lớp phù hợp thực tế nhà trường và địa phương. Các lớp có sĩ số bình quân thấp hơn so với quy định Điều lệ trường Tiểu học nên GV có điều kiện quan tâm sâu sát, toàn diện hơn đến tất cả mọi HS, từ đó chất lượng giáo dục được nâng lên.

**3. Điểm yếu**

Do trường có 3 điểm, nên sĩ số giữa các lớp chưa đồng đều. Khả năng tự quản của HS trong các lớp còn nhiều hạn chế do các em còn nhỏ, nhất là học sinh lớp 1, lớp 2.Điểm lẻ nhiều nên trường gặp khó khăn trong công tác quản lý cũng như tổ chức các phong trào, các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.Trường vẫn còn một vài học sinh chưa chú trọng đến việc học do cha mẹ đi làm ăn xa thiếu đôn đốc, nhắc nhở.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh và khắc phục những điểm yếu. GVCN, GV bộ môn và GV tổng phụ trách Đội phối kết hợp chặt chẽ với nhau để hướng dẫn, rèn luyện, nâng cao hơn nữa ý thức tự quản, tự phục vụ của HS. HT cần tạo mọi điều kiện để HS điểm lẻ được tham gia đầy đủ các phong trào hội thi và các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Giáo viên chủ nhiệm hàng tháng tự thiết kế những nội dung hoạt động ngoài giờ lên lớp khác phù hợp với trình độ học sinh, điều kiện cơ sở vật chất lớp mình để tổ chức tạo sân chơi lành mạnh, nhằm khích lệ động viên việc học của các em.Các GVCN tăng cường phối hợp với CMHS để đôn đốc, nhắc nhở những học sinh còn ham chơi, chưa chú trọng việc học.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Căn cứ Điều lệ trường tiểu học, nhà trường đã lập đầy đủ các hồ sơ để phục vụ hoạt động giáo dục của trường cũng như đối với giáo viên. Có sổ quản lý công văn đi và đến theo quy định; Có danh mục các loại hồ sơ lưu trữ; Các hồ sơ được lưu trữ đầy đủ, sắp xếp gọn gàng, khoa học, có phân công cho từng bộ phận phụ trách quản lí; Quy trình lưu trữ tại trường được thực hiện theo Thông tư số 07/2012/TT-BNV, ngày 22/11/2012 của Bộ Nội vụ về Hướng dẫn quản lý văn bản, lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan và Thông tư 27/2016/TT-BGD&ĐT ngày 30/12/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành Giáo dục. Tuy nhiên, công tác cập nhật, lưu trữ văn bản có lúc chưa kịp thời, chưa sử dụng phần mềm trong lưu trữ hồ sơ [H1-1.6-01]; [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04].

Hằng năm, HT chỉ đạo bộ phận kế toán lập dự toán năm, tổ chức thực hiện thu chi, quyết toán kinh phí theo tháng, quý, năm; có thực hiện công tác thống kê, báo cáo tài chính, tài sản và CSVC hằng năm đúng theo quy định. Trường thực hiện công tác công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo kế hoạch. Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm được triển khai trong Hội nghị Công chức - viên chức đầu năm học và được CB, GV, NV đóng góp ý kiến để bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và các qui định hiện hành.[H1-1.6-05]; [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07]; [H1-1.6-08]; [H1-1.6-09]; [H1-1.6-10].

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động GD. Trong 05 năm qua, nhà trường không có xảy ra trường hợp lãng phí, mất mát, thất thoát tài sản[H1-1.6-07]; [H1-1.6-08].

Mức 2:

Nhà trường đã đổi mới công tác quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, quản lý tài chính, tài sản; quản lý công tác dạy và học thông qua các phần mềm như: phần mềm kế toán, phần mềm cơ sở dữ liệu, Smas, phần mềm kiểm định chất lượng [H1-1.6-11].

Trong 5 năm qua từ năm 2015 đến năm 2019, nhà trường chưa được cấp trên thanh tra, kiểm tra về tài chính, tài sản. Nhà trường chỉ thực hiện công tác tự kiểm tra, rà soát, đánh giá.Qua tự kiểm tra, các năm qua và hiện nay không có trường hợp nào vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6-09].

Mức 3:

Nhà trường có phối hợp với BĐDCMHS xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học, trong đó có vận động để có nguồn tài chính phục vụ nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất và  xây dựng cảnh quan nhà trường xanh - sạch -đẹp và An toàn, phù hợp với điều kiện của nhà trường và thực tế của địa phương. Tuy nhiên, chưa xây dựng được kế hoạch dài hạn và trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.6-12].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường sử dụng các phần mềm quản lý và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, lập đầy đủ hồ sơ theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học. Có đủ các loại sổ, văn bản, tài liệu theo quy định; sắp xếp khoa học, thực hiện kiểm tra thường xuyên.Hàng năm phối hợp với BĐDCMHS xây dựng kế hoạch để có nguồn tài chính phục vụ nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất và cảnh quan nhà trường phù hợp với điều kiện của nhà trường và thực tế của địa phương.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có kế hoạch kế hoạch dài hạn và trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục thực hiện tốt các văn bản quy định về quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà nước, ngành. Hiệu trưởng sẽ chủ động phối hợp cùng công đoàn, BĐDCMHS đánh giá đúng thực trạng nhà trường và điều kiện thực tế của địa phương để xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn nhằm huy động sự đóng góp của cá nhân, tập thể để có nguồn tài chính hợp pháp cho đơn vị, góp phần giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên, ngoài ra còn cử cán bộ, giáo viên đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ khi có nhu cầu [H1-1.7-01]..

Việc phân công nhân sự của nhà trường được thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Thông tư 16/2017/TT-BGD&ĐT ngày 12/7/2017 của Bộ trưởng BGD&ĐT và Quy chế làm việc của nhà trường. Cụ thể: Để chuẩn bị cho việc phân công: Chi bộ, Hiệu trưởng và Ban chấp hành Công đoàn trường họp liên tịch phân công nhân sự dân chủ, khách quan, được công khai trước tập thể nhà trường; việc bố trí sử dụng cán bộ GV phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực của mỗi cán nhân, đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường [H1-1.7-02].

Cán bộ quản lý, GV-NV được được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học (Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 22/01/2014 của BGD&ĐT), như: Được tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ; được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định khi được cử đi học; được hưởng tiền lương, phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp thâm niên và các phụ cấp khác theo quy định của Chính phủ. Được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo... Được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, việc thực hiện chi trả truy lĩnh nâng bậc lương thường xuyên; phụ cấp thâm niên và khen thưởng đột xuất CB-GV-NVchưa kịp thời [H1-1.7-03].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường tổ chức Hội nghị Công chức - Viên chức toàn trường nhằm thảo luận, huy động ý kiến đóng góp của tập thể vào kế hoạch năm học của nhà trường; phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực chuyên môn, sở trường và điều kiện thực tế; phát động tổ chức các phong trào hti đua để CB-GV-VC tham gia các phong trào, hội thi của ngành cũng như của nhà trường như: Hội thi GV dạy giỏi, GV chủ nhiệm giỏi, viết sáng kiến, làm đồ dùng dạy học, thiết kế bài giảng e-larning, … khen thưởng đối với cá nhân đạt giải hội thi cấp trường, hỗ trợ giáo viên dự thi các pohng trào do cấp trên tổ chức. Qua đó đã góp phần thúc đẩy, động viên tinh thần hăng say làm việc và cống hiến của cán bộ quản lý, CB-GV-NV để xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường. [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên. Việc phân công, sử dụng nhân sự được thực hiên dân chủ, công khai, phù hợp năng lực sở trường của mỗi cá nhân và tình hình thực tế của nhà trường. Nhà trường luôn đảm bảo được các quyền của cán bô, công chức, viên chức trong đơn vị; có biện pháp cụ thể để phát huy năng lực của mỗi cá nhân.

**3. Điểm yếu**

Biện pháp bồi dưỡng phát huy năng lực của giáo viên và nhân viên chưa được đồng bộ và cụ thể, dẫn đến một số nhiệm vụ của các bộ phận đạt chất lượng chưa cao.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm 2019-2020 và các năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB-GV-NV của trường. Đồng thời, phân công nhiệm vụ  cụ thể cho các bộ phận bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trên cơ sở nhiệm vụ năm học của các cấp trên, căn cứ vào các văn bản pháp quy và tình hình thực tế, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và nhà trường, bao gồm: kế hoạch hoạt động chuyên môn, Kế hoạch thực hiện các chương trình, phương pháp, hình thức dạy học tích cực phục vụ đổi mới trong dạy học,  kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kế hoạch GDNGLL; Kế hoạch giáo dục được xây dựng trên cơ sở chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, được ban hành kèm theo QĐ số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05/05/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Kế hoạch giáo dục được triển khai quán triệt đến tất cả CB-GV-NV, qua đó các tổ khối chuyên môn và từng cá nhân xây dựng kế hoạch để thực hiện; Hàng tháng có đánh giá, đôn đốc thực hiện [H1-1.4-06].

Hàng tháng, cuối học kỳ I và cuối năm nhà trường tổ chức sơ kết đánh giá, rút kinh nghiệm từ đó có sự điều chỉnh, bổ sung kịp thời các kế hoạch khi phát hiện bất cập hoặc có sự thay đổi [H1-1.4-06]; [H1-1.8-03].

Mức 2:

Để thực hiện kế hoạch giáo dục, nhà trường đã triển khai, quán triệt việc thực hiện với nội dung cụ thể như: Nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn; quản lý chất lượng dạy của GV; xây dựng tập thể đoàn kết; bồi dưỡng và hỗ trợ chuyên môn; tổ chức kiểm tra, đánh giá chặt chẽ chất lượng HS; các hoạt động giáo dục ngoại khóa giáo dục thường xuyên tổ chức … qua đó đã mang lại hiệu quả cao, được Phòng Giáo dục đánh giá đạt hiệu quả thông qua các cuộc kiểm tra [H1-1.8-03].

**2. Điểm mạnh**

Kế hoạch giáo dục được xây dựng phù hợp, triển khai quán triệt kịp thời và thực hiện có hiệu quả. Làm tốt việc đánh giá, rút kinh nghiệm, điều chỉnh, bổ sung ở mỗi giai đoạn.

**3. Điểm yếu**

Các biện pháp kiểm tra, đánh giá của nhà trường chưa được rà soát, điều chỉnh kịp thời.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng nhà trường trực tiếp chỉ đạo phó Hiệu trưởng thường xuyên kiểm tra các kế hoạch hoạt động của giáo viên và các tổ khối thuộc bộ phận chuyên môn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có quyết định ban hành quy chế dân chủ; Lãnh đạo nhà trường phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn tổ chức cho các tổ và toàn trường để thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch nhiệm vụ năm học, các nội quy, quy chế của nhà trường thông qua tổ chức Hội nghị công nhân viên chức, các văn bản dự thảo được thảo luận công khai, dân chủ, tiếp thu chỉnh sửa kịp thời. Sau khi ban hành được niêm yết công khai. Ngoài ra, trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhà trường còn xây dựng và lấy ý kiến thảo luận các kế hoạch chuyên đề khác tại các cuộc họp của nhà trường để thống nhất và thực hiện. Tuy nhiên, còn một số giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn tham gia đóng góp trên tinh thần xây dựng đơn vị [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02]; [H1-1.8-04].

Các kênh có thể tiếp nhận khiếu nại, tố cáo thông qua chi bộ, Công đoàn, hộp thư góp ý, trực tiếp lãnh đạo nhà trường, ... Trong 5 năm gần đây, nhà trường không xảy ra khiếu nại, tố cáo. Các kiến nghị, phản ánh thông thường (trong các cuộc họp, hoặc trao đổi) hợp lý đều được nhà trường trao đổi, giải thích và trả lời thỏa đáng, đúng pháp luật và không đến mức phải tổ chức để giải quyết [H1-1.9-03].

Hằng năm, nhà trường có tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ theo kế hoạch và định kỳ 6 tháng và 1 năm có báo cáo kết quả thực hiện về cấp trên theo quy định [H1-1.9-04].

Mức 2:

Để thực hiện quy chế dân chủ, nhà trường đã đề ra. Ban Chấp hành Công đoàn và Ban Thanh tra nhân dân đã thực hiện tốt cơ chế giám sát. Ngoài ra còn có sự giám sát của chi bộ, của tổ chỉ đạo, của cán bộ, giáo viên và nhân viên; giám sát của cấp có thẩm quyền; giám sát của cộng đồng, trong đó có BĐDCMHS. Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện dân chủ cơ sở có công khai, minh bạch trong tập thể nhà trường và thực hiện có hiệu quả [H1-1.9-03]; [H1-1.9-05]; [H1-1.8-04]; [H1-1.9-06].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng Quy chế dân chủ được bàn bạc thống nhất dân chủ, triển khai niêm yết công khai. Toàn thể CB-GV-NV quan tâm và thực hiện tốt. Nhà trường có các biện pháp và cơ chế giám sát đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

**3. Điểm yếu**

Mặc dù, nhà trường nỗ lực trong việc tạo điều kiện để đội ngũ CB-GV-NV tham gia đóng góp xây dựng kế hoạch giáo dục, các nội quy, quy định, quy chế. Tuy nhiên, còn một số giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn tham gia đóng góp trên tinh thần xây dựng đơn vị.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2019-2020, Hiệu trưởng tiếp tục phối hợp tốt với Công đoàn trong việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tiếp tục công khai, minh bạch những vấn đề viên chức, người lao động cần phải biết, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của đội ngũ CB-GV-NV trong đơn vị để xây dựng môi trường làm việc dân chủ, đoàn kết. Hiệu trưởng và Công đoàn động viên, khuyến khích CB-GV-NV đơn vị tích cực hơn nữa trong tham gia đóng góp ý kiến với tinh thần xây dựng để đơn vị hoạt động ngày càng hiệu quả.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Để thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, Trường đã xây dựng được các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòngchống tai nạn, thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Nhà trường không tổ chức bếp ăn cho HS mà có căn tin, căn tin được cơ quan y tê kiểm tra đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05]; [H1-1.10-06]; [H1-1.10-07]; [H1-1.10-08].

Ở mỗi điểm, nhà trường có đặt hộp thư góp ý và công bố số điện thoại của Hiệu trưởng để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân. Ngoài ra, Nhà trường đã tổ chức phối hợp với công an xã Tân An tiếp nhận xử lý các thông tin phản ánh của người dân, phụ huynh học sinh để đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và HS trong nhà trường [H1-1.10-09]; [H1-1.10-10].

Nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền phổ biến kiến thức về bình đẳng giới và thường xuyên quan tâm giáo dục HS nên không xảy ra hiện tượng kỳ thị, tình trạng bạo lực học đường hay vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.1-07]; [H1-1.10-10].

Mức 2:

Trong các buổi họp hội đồng, sinh hoạt đoàn thể, sinh hoạt ngoại khóa, các tiết sinh hoạt dưới cờ nhà trường phổ biến, tuyên truyền cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường. Để đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ của nhà trường đã được tấp huấn về nghiệp vụ bảo vệ. Nhà trường được UBND xã công nhận đạt an ninh trật tự, ATGT. Để đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, định kỳ nhà trường có kết hợp với trạm y tế xã Tân An kiểm tra căn tin về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Tuy nhiên, nhà trường chưa tổ chức được các buổi diễn tập thực tế, thực hiện các phương án phòng chống cháy nổ, phòng chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-11]; [H1-1.10-12]; [H1-1.10-10]; [H1-1.10-08].

Nhà trường thường xuyên mở hộp thư góp ý hoặc thông qua giáo viên, nhân viên, nhất là TPT và bảo vệ để thu thập đánh giá xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn, nhắc nhở kịp thời, hiệu quả. Nhà trường có đội cờ đỏ để theo dõi phòng chống bạo lực học đường, tai nạn thương tích [H1-1.10-11].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có các phương án và triển khai các phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai, thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá và xử lý các thông tin kịp thời, hiệu quả. Do đó nhà trường luôn đảm bảm an ninh trật tự, an toàn trường học

**3. Điểm yếu**

Do chưa có đội ngũ chuyên môn hướng dẫn cụ thể cho cán bộ giáo viên nên nhà trường chưa tổ chức được các buổi diễn tập thực tế, thực hiện các phương án phòng chống cháy nổ, phòng chống thảm họa, thiên tai.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt để đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; phòng, chống cháy, nổ, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, các tệ nạn xã hội và bạo lực trong nhà trường. Đồng thời, xây dựng kế hoạch và tổ chức diễn tập một số tình huống thường gặp về phòng cháy, chữa cháy, phòng chống thảm họa, thiên tai trong năm học hiện tại.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 1:**

Nhà trường có phương hướng chiến lược phù hợp mục tiêu giáo dục và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có đủ tổ chức Đảng và các đoàn thể được thành lập có tổ chức chặt chẽ, hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ, có đóng góp tích cực vào kết quả chung của nhà trường, được đánh giá vững mạnh.Lãnh đạo nhà trường có đủ số lượng, có trình độ năng lực quản lý, thực hiện tốt nhiệm vụ của ngành đề ra, luôn nhiệt tình, tâm huyết với công việc, có sự đoàn kết nhất trí cao. Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Trường có quy mô nhỏ, cơ cấu lớp, học sinh/lớp phù hợp, đảm bảo theo quy định; có kế hoạch  và thực hiện bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ.Thực hiện tốt công tác phân công nhân sự và luôn đảm bảo các quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của cán bộ, giáo viên và nhân viên trong đơn vị. Nhà trường có kế hoạch giáo dục được xây dựng phù hợp, triển khai quán triệt kịp thời và thực hiện có hiệu quả; thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong nhà trường; thực hiện đầy đủ các các phương án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

- Điểm yếu cơ bản của nhà trường:Khi xây dựng kế hoạch chiến lược chưa có sự tham gia của CMHS và cộng đồng; Kế hoạch khi được phê duyệt chưa được đăng tải trên các trang Website của trường và của ngành. Chất lượng hoạt động của các tổ chuyên môn chưa đồng đều; Một vài chuyên đề chuyên môn khi triển khai còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao. Có 3 tổ chuyên môn nhưng 2 tổ ghép nên trong sinh hoạt cũng có mặt còn hạn chế. Trường có 3 điểm lẻ nên việc tổ chức và quản lý có lúc chưa sâu sát. Nhà trường chưa xây dựng được kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương; chưa tổ chức diễn tập thực tế thực hiện các phương án phòng chống cháy nổ, phòng chống thảm họa, thiên tai.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
  + Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
  + Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 3: Đạt Mức 3: 10/10 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý, GV và NV của nhà trường đảm bảo đủ theo biên chế được giao và có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn. Cán bộ quản lý có năng lực, điều hành, quản lý đơn vị hoạt động tốt, đạt kết quả theo kế hoạch đề ra. Hàng năm, GV đều được đánh giá, xếp loại chuyên môn, nghiệp vụ đạt từ loại khá trở lên; đội ngũ nhân viên thông thạo công việc, tích cực thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được nhà trường đảm bảo về chế độ chính sách theo quy định; HS có đủ các khối lớp từ khối 1 đến khối 5 và đảm bảo về độ tuổi quy định của Điều lệ trường TH.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Mức 1; Mức 2; Mức 3:

Hiệu trưởng có 09 năm dạy học, 14 năm làm công tác quản lý, có quyết định phân công giảng dạy, có văn bằng, chứng chỉ theo quy định: tốt nghiệp đại học sư phạm, đã hoàn thành khóa bồi dưỡng quản lý giáo dục, có chứng chỉ B tin học và chứng chỉ B ngoại ngữ; Phó hiệu trưởng có 10  năm dạy học, 09 năm làm công tác quản lý, có quyết định phân công giảng dạy, có văn bằng, chứng chỉ theo quy định: tốt nghiệp đại học sư phạm, tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị, hoàn thành khóa bồi dưỡng quản lý giáo dục, có chứng chỉ A tin học và chứng chỉ B ngoại ngữ [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Thực hiện Thông tư số 14/2011/BGDĐT, ngày 08/11/2011 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường TH, hằng năm nhà trường đã tổ chức đánh giá chuẩn hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng vào cuối năm học cụ thể: Năm học 2014-2015; 2015 - 2016; 2016 - 2017 và năm học 2017 - 2018 hiệu trưởng được PGD&ĐT đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức Xuất sắc. Phó hiệu trưởng được hiệu trưởng đánh giá ở mức Xuất sắc theo Quy định chuẩn hiệu trưởng. Riêng năm học 2018 - 2019, là năm đầu tiên thực hiện đánh giá chuẩn hiệu trưởng theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT, ngày 20/7/2018 của BGD&ĐT ban hành Quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông  hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều đánh giá đạt chuẩn ở mức khá [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04]; [H2-2.1-05]; [H2-2.1-06].

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị theo quy định; Cụ thể: hàng năm đều thực hiện chương  trình theo quy định đã hoàn thành lớp Trung cấp lý luận chính trị; Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng luôn được GV, NV trong trường tín nhiệm [H2-2.1-07]; [H2-2.1-08]; [H2-2.1-09]; [H2-2.1-10]; [H2-2.1-11]; [H2-2.1-12].

Mức 2:

Mức 3:

**2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn theo quy định của Thực hiện Thông tư số 14/2011/BGDĐT, ngày 08/11/2011 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường TH và Thông tư  số: 14/2018/TT-BGDĐT quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông. ngày 04/9/2018; Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng có 4 năm đạt  xuất theo Quy định chuẩn hiệu trưởng; Năm học 2018 – 2019 Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng tự xếp loại khá; Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng lãnh đạo và chỉ đạo nhà trường đạt hiệu quả cao, có tác phong mẫu mực, gương mẫu trong mọi lĩnh vực, có lối sống lành mạnh, trong sáng, được mọi người tin yêu, tín nhiệm; đạt nhiều thành tích xuất sắc trong hoạt động dạy học và công tác quản lý; xây dựng nhà trường nhiều năm liền đạt tập thể Lao động Tập thể Xuất sắc;

Tích cực học tập nâng cao trình độ về mọi mặt, gương mẫu trong học tập và đạt kết quả cao.

**3. Điểm yếu**

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng vẫn chưa có nhiều biện pháp để huy động hết sức mạnh cũng như sự say mê của đội ngũ giáo viên trong việc tham gia phong trào các cấp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Tiếp tục phát huy điểm mạnh và tăng cường sự quản lý, chỉ đạo duy trì tập thể lao động tiên tiến và đạt tập thể lao động xuất sắc trong những năm tiếp theo.Trong năm 2019-2020 kết hợp với công đoàn nhà trường  tiếp tục xây dựng tập thể sư phạm đoàn kết hoàn thành tốt nhiệm vụ, động viên đội ngũ GV, NV  thực hiện tốt các phong trào trên tinh thần phát huy thế mạnh của mỗi cá nhân. Kết hợp cùng BĐDCMHS và chính quyền địa phương vận động tạo nguồn kinh phí khen thưởng động viên kịp thời GV, nhân viên khi hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong đó, khi cần thiết thì phân công cụ thể. Đối với phong trào không hạn chế số lượng thí sinh/sản phẩm, phát động rộng rãi, giao chỉ tiêu phấn đấu, … ngoài tính đến hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao, còn tính đến hiệu quả tham gia các phong trào của GV và của HS, sức ảnh hưởng đến kết quả hoàn thành nhiệm vụ của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có 25 GV/17 lớp (bao gồm 18 GV tiểu học, 01 GV thể dục, 02 GV nhạc, 01 GV dạy tin học; 2 GV tiếng Anh và 1 GV dạy môn Mỹ thuật, đạt tỷ lệ 1,47 GV/lớp). trong đó có 01 GV kiêm TPT đội. Như vậy, nhà trường có đủ số lượng GV quy định theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của BGDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phô thông công lập và đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp TH [H2-2.2-01].

Hiện nhà trường có 25/25 GV. Trong đó, 100% GV có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng sư phạm trở lên. Cụ thể: có 20/25 GV có trình độ  đại học đạt tỷ lệ 80% , 04/25 GV có trình độ cao đẳng  đạt tỷ lệ 20%; Như vậy số GV có trình độ đạt trên chuẩn trở lên: 25/25 GV, đạt tỉ lệ 100% [H2-2.2-01]; [H2-2.2-02].

Qua đánh giá chuẩn nghề nghiệp tất cả GV được đánh giá ở mức đạt trở lên, đạt tỷ lệ 100% [H2-2.2-03].

Mức 2:

Tính đến nay, nhà trường có 25/25 GV có trình độ cao đẳng trở lên, đạt tỷ lệ 100%. Tỷ lệ đạt trên chuẩn trình độ đào tạo trong 05 năm qua đã được nâng lên [H2-2.2-02].

Qua đánh giá chuẩn nghề nghiệp, năm học 2014 – 2015 GV được đánh giá xuất sắc đạt 7/7 GV chiếm tỷ 100% ; năm học 2015 – 2016 GV được đánh giá xuất sắc đạt 9/9 GV chiếm tỷ 100%; năm học 2016 – 2017 GV được đánh giá xuất sắc đạt 14/17 GV chiếm tỷ 82,3%, khá 03 đạt tỷ lệ 17.7%; năm học 2017– 2018 GV được đánh giá xuất sắc đạt 15/16 GV chiếm tỷ 93,8%, khá 01 đạt tỷ lệ 6,2%; Riêng năm học 2018 – 2019 có 25/25 tỷ lệ 100% GV tự đánh đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt [H2-2.2-03].

Từ năm học 2014 – 2015 đến nay, nhà trường không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-03].

Mức 3:

Năm 2019 – 2020  nhà trường có 25/25 GV có trình độ cao đẳng trở lên, đạt tỷ 100%  Tuy nhiên còn 4/25 GV có trình độ  cao đẳng  tỷ lệ 20% [H2-2.2-02].

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên cụ thể năm học 2014 – 2015 GV được đánh giá xuất sắc đạt 7/7 GV chiếm tỷ 100% ; năm học 2015 – 2016 GV được đánh giá xuất sắc đạt 9/9 GV chiếm tỷ 100%; năm học 2016 – 2017 GV được đánh giá xuất sắc đạt 14/17 GV chiếm tỷ 82,3%, khá 03 đạt tỷ lệ 17.7%; năm học 2017– 2018 GV được đánh giá xuất sắc đạt 15/16 GV chiếm tỷ 93,8%, khá 01 đạt tỷ lệ 6,2%; Riêng năm học 2018 – 2019 có 25/25 tỷ lệ 100% GV tự đánh đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt [H2-2.2-03]; [H2-2.2-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ GV để giảng dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định, 100% GV đạt trình độ  trên chuẩn đào tạo theo quy định trở lên, GV được phân công giảng dạy đúng chuyên ngành đào tạo. Qua đánh giá chuẩn nghề nghiệp các năm cụ thể: năm học 2014 – 2015 GV được đánh giá xuất sắc đạt 7/7 đạt  tỷ lệ 100%;  năm học 2015 – 2016 GV được đánh giá xuất sắc đạt 9/9 GV đạt  tỷ lệ 100%; 100%; năm học 2016 – 2017 GV được đánh giá xuất sắc đạt 14/17 GV đạt  tỷ lệ 82,3%, khá 03 đạt tỷ lệ 17.7%; năm học 2017– 2018 GV được đánh giá xuất sắc đạt 15/16 GV chiếm tỷ 93,8%, khá 01 đạt tỷ lệ 6,2%; Riêng năm học 2018 – 2019 có 25/25 GV tự đánh đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt.

**3. Điểm yếu**

Còn 04 GV chưa đạt trình độ đại học ( 04 GV có trình độ cao đẳng sư phạm).

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tạo mọi điều kiện thuận lợi như kết hợp cùng  Công đoàn nhà trường, BĐDCMHS để hỗ trợ thêm về kinh phí;  nhà trường phân công giáo viên dạy thay, dạy thế ( khi được triệu tập đi học) để  4 GV có trình độ cao đẳng sư phạm đang học liên thông tiếp tục học tập tốt phấn đấu đến năm học 2021 - 2022, có 100% đạt trình độ Đại học.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Năm học 2018-2019 thực hiện theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phô thông công lập, theo đó, hiệu trưởng đã phân công 3 vị trí việc làm như sau: 1 Thư viện - Thiết bị - Công nghệ thông tin; 1 Kế toán -  Y tế  và 1 Thủ quỹ - Văn thư. Như vậy, nhà trường đã phân công đủ nhân viên đáp ứng các yêu cầu theo quy định [H1-1.7-03].

Nhân viên được Nhà trường phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người, như: Vị trí Thư viện - Thiết bị - Công nghệ thông tin do nhân viên đã tốt nghiệp cao đẳng  sư phạm Âm nhạc, đã tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ Thư viện trường học do SGD&ĐT Kiên Giang tổ chức; 1 Kế toán -  Y tế do nhân viên có chuyên môn đại học Kế toán phụ trách và có chứng chỉ y tế; Văn thư - Thủ quỹ  do nhân viên có chuyên môn Trung cấp tin học và có chứng chỉ văn thư lưu trữ phụ trách [H2-2.3-01]; [H2-2.3-02]; [H2-2.3-03].

Hằng năm, tất cả nhân viên đều được nhà trường đánh giá, phân loại theo quy định. Qua đó, 100% nhân viên đều hoàn thành nhiệm vụ được giao trở lên [H2-2.3-04].

Mức 2:

Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cụ thể: Hiện nhà trường có 17 lớp, nên đã phân công 3 nhân viên, được cơ cấu như sau: 1 Thư viện - Thiết bị - Công nghệ thông tin, 1 Kế toán – Y tế  và 1 Văn thư - Thủ quỹ [H1-1.7-03].

Trong 5 năm liên tiếp, tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.3-04].

Mức 3:

Các nhân viên phụ trách Thư viện - Thiết bị - Công nghệ thông tin, Kế toán – Y tế, Văn thư - Thủ quỹ của nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được việc làm. Cụ thể: Vị trí Thư viện - Thiết bị - Công nghệ thông tin do nhân viên đã tốt nghiệp cao đẳng sư phạm ngành Âm nhạc có chứng chỉ tin học, đã tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ Thư viện trường học do SGD&ĐT Kiên Giang tổ chức;  Kế toán – Y tế  do nhân viên có chuyên môn đại học Kế toán phụ trách; Văn thư - Thủ quỹ do nhân viên có chuyên môn Trung cấp tin học và có chứng chỉ văn thư lưu trữ phụ trách. Riêng đối với bảo vệ, đã được bồi dưỡng nghiệp vụ công tác bảo vệ. Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện để nhân viên chủ động thời gian tự và tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Trong đó, khi được triệu tập, nhân viên của nhà trường được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H1-1.10-12].

Nhân viên nhà trường hằng năm đều được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm, không ngừng nâng cao nghiệp vụ [H2-2.3-05].

**2. Điểm mạnh**

Có đủ số lượng, cơ cấu nhân viên theo quy định của Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT *về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phô thông công lập.* Các nhân viên đều có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm. Riêng nhân viên Thư viện - Thiết bị - Công nghệ thông tin có trình độ đại học và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện – Thiết bị; nhân viên  Kế toán – Y tế có trình độ  đại học kế toán và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ y tế học đường; nhân viên Văn thư - Thủ quỹ  có chuyên môn Trung cấp tin học và có chứng chỉ văn thư lưu trữ. Hằng năm, đội ngũ nhân viên đều hoàn thành  tốt nhiệm vụ.

**3. Điểm yếu**

Các nhân viên của nhà trường đều phải kiêm nhiệm thêm công việc khác (chưa được đào tạo chính quy công tác kiêm nhiệm); nhân viên Thư viện – Thiết bị- Công nghệ thông tin chưa có bằng theo đúng chuyên ngành nên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ còn chậm trễ, hiệu quả chưa đạt theo mong muốn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục thường xuyên theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn nhân viên thực hiện nhiệm vụ được giao. Trong đó, phải theo dõi sát sao việc thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm để thường xuyên tư vấn, giúp đỡ nhân viên nâng cao năng lực công tác. Tham mưu với PGD&ĐT huyện  Tân Hiệp định kỳ mở các lớp tập huấn chuyên môn để nâng cao năng lực công tác của nhân viên. Vận động nhân viên  Kế toán - Y tế tham gia học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, đề xuất với PGD&ĐT tham mưu UBND huyện Tân Hiệp tuyển nhân viên đủ chuyên môn theo vị trí việc làm  để tiêu chí này đạt mức 3

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định.

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Thực hiện Điều 40 của Điều lệ trường tiểu học, nhà trường tuyển sinh HS có độ tuổi từ 6 đến 14 tuổi, không có HS chưa đủ tuổi hoặc HS quá 14 tuổi đi học [H2-2.4-01].

Tất cả HS của nhà trường đều được phổ biến, nhắc nhở thực hiện 5 nhiệm vụ. theo Điều 41 của Điều lệ trường TH thông qua GVchủ nhiệm sinh hoạt lớp. Ngoài ra, thông qua TPT sinh hoạt dưới cờ [H1-1.10-11].

HS của nhà trường được phổ biến để biết nội dung liên quan đến 6 quyền lợi. Theo Điều 42, Điều lệ trường TH và theo Quy chế thực hiện dân chủ của; thông qua GV chủ nhiệm sinh hoạt lớp, thông qua TPT sinh hoạt dưới cờ , bảng tuyên truyền quyền của HS; Bên cạnh đó, nhà trường đã tiếp nhận tất cả HS  6 đến 14 tuổi trong địa bàn vào học, ngoài ra còn tiếp nhận thêm HS địa bàn khác đến học nếu có nguyện vọng và nhà trường còn khả năng tiếp nhận. … HS được giáo dục, bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu; được chăm sóc và giáo dục hoà nhập (HS khuyết tật) theo quy định, HS có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ, được xét cấp học bổng của các nhà tài trợ và quỹ  khuyến học xã Tân An hỗ trợ và do mạnh thường quân của trường tặng [H2-2.4-02]; [H2-2.4-03]; [H2-2.4-04]; [H2-2.4-05].

Mức 2:

Để HS thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, đầu mỗi năm học, GV chủ nhiệm đã tổ chức cho HS học nội quy của nhà trường, quy định những điều HS không được làm tại Điều 43, Điều lệ trường TH. GV TPT Đội thường xuyên tuyên truyền, nhắc nhở trong sinh hoạt dưới cờ đầu tuần. Bên cạnh đó, GV chủ nhiệm cùng GV khác cùng phối hợp GV bộ môn cùng thực hiện giáo dục HS trong các giờ dạy, giờ sinh hoạt lớp. Trong 05 năm qua, số HS có năng lực, phẩm chất luôn đạt 100% [H2-2.4-06].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường đều tổ chức tốt các hoạt động giáo dục, từ đó có nhiều học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện theo chương trình giáo dục. Kết quả đạt được : Năm học 2014-2015 có 42/147 HS hoàn thành tốt các môn học đạt: 28.6%; Năm học 2015-2016 có 46/152 HS hoàn thành tốt các môn học đạt: 30.3%; Năm học 2016-2017 có 91/289 HS hoàn thành tốt các môn học đạt: 31.5%; Năm học 2017-2018 có 103/280 HS hoàn thành tốt các môn học đạt: 36.8%; Năm học 2018-2019 có 132/446 HS hoàn thành tốt các môn học đạt: 28.6%. Bên cạnh đó, tổ chức cho học sinh tham gia các phong trào hội thi đã được các cấp khen thưởng như sau: năm học 2014 – 2015 đạt 2 giải ba môn đá cầu, 1 giải ba môn điền kinh; năm học 2016 – 2017 đạt 1 giải nhất; 3 giải nhì và 3 giải 3 môn cờ vua học sinh phổ thông; tham gia Hội khỏe Phù Đổng năm học 2017 – 2018 đạt giải nhì môn đá cầu; 4 giải nhất và 2 giải nhì môn cờ vua cấp huyện, đạt 2 giải nhì 1 giải 3 cấp tỉnh môn cờ vua, tham gia thi tin học trẻ cấp huyện đạt 1 giải 3. Từ đó đã có ảnh hưởng tích cực, lan tỏa đến hoạt chung của từng lớp và của cả trường, đã góp phần để nhà trường hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hằng năm [H2-2.4-07].

**2. Điểm mạnh**

Độ tuổi HS trong nhà trường đảm bảo đúng theo quy định tại Điều lệ trường TH cụ thể như sau: Năm học 2014-2015 có 134/147 đạt tỷ lệ 91.2%; Năm học 2015-2016 có 139/152 đạt tỷ lệ 91.3%; Năm học 2016-2017 có 271/289 đạt tỷ lệ 93.7%; Năm học 2017-2018 có 264/280 đạt tỷ lệ 94.2%; Năm học 2018-2019 có 389/446 đạt tỷ lệ 87.3%. HS thực hiện tốt nhiệm vụ của mình và không vi phạm những điều không được làm trong Điều 41, 43 của Điều lệ trường TH. Bên cạnh đó, HS được đảm bảo các quyền theo quy định. Hằng năm, HS vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời và  được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực không để dẫn đến mức độ phải kỷ luật. Đồng thời có nhiều HS đạt thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường qua các năm như sau: Năm học 2014-2015 có 42/147 HS hoàn thành tốt các môn học đạt: 28.6%; Năm học 2015-2016 có 46/152 HS hoàn thành tốt các môn học đạt: 30.3%; Năm học 2016-2017 có 91/289 HS hoàn thành tốt các môn học đạt: 31.5%; Năm học 2017-2018 có 103/280 HS hoàn thành tốt các môn học đạt: 36.8%; Năm học 2018-2019 có 132/446 HS hoàn thành tốt các môn học đạt: 28.6%.

**3. Điểm yếu**

Việc tổ chức bồi dưỡng và hoạt động của các câu lạc bộ HS năng khiếu chưa thường xuyên.Việc khám sức khoẻ của HS hằng năm có lúc chưa kịp thời.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hằng năm tiếp tục chú trọng việc tổ chức thực hiện các quyền của HS, nhiệm vụ của HS bằng cách: Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ của HS, việc giáo dục đạo đức cho HS ở mọi lúc, mọi nơi, trong các giờ học, giờ chào cờ, giờ sinh hoạt lớp, giờ sinh hoạt Đội, Sao nhi đồng,... Làm tốt công tác tuyên truyền “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, để đảm bảo 100% học sinh trên địa bàn ra lớp. Trước mắt, ngay từ cuối năm học 2018-2019 và đầu năm học 2019-2020: Phối hợp cùng địa phương và các đoàn thể giúp PHHS hiểu ý nghĩa và tầm quan trọng của việc ra lớp đúng độ tuổi của HS, nhà trường sẽ tổ chức tuyên truyền đến PHHS qua hội nghị CMHS các lớp về độ tuổi đến trường của HS, để luôn đảm bảo việc ra lớp đúng độ tuổi của HS. Hiệu trưởng kiểm tra theo tháng, đôn đốc GV chủ nhiệm và GV phụ trách các câu lạc bộ HS năng khiếu thường xuyên tổ chức bồi dưỡng và triển khai thực hiện các mô hình như: Chữ đẹp, toán tuổi thơ, cờ vua,…Bước vào đầu năm học 2019-2020, hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên Y tế xây dựng kế hoạch tổ chức khám sức khỏe ban đầu cho HS trong tháng 9, đảm bảo 100% HS được khám kịp thời. Tuyên truyền trong cuộc họp PHHS đầu năm giữ vững 100% số HS không thuộc hộ nghèo và cận nghèo tham gia đủ 12 tháng Bảo hiểm y tế.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 2:**

- Điểm mạnh cơ bản của nhà trường:

Nhà trường có hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đạt tiêu chuẩn theo quy định, có trình độ và năng lực công tác tốt; có đủ GV để giảng dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định, 100% GV đạt trình độ chuẩn đào tạo theo quy định trở lên, Hằng năm, qua đánh giá chuẩn nghề nghiệp, có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn từ khá trở lên; Có đủ số lượng, cơ cấu nhân viên theo quy định với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm. Đối với HS, có độ tuổi đảm bảo đúng theo quy định tại Điều lệ trường TH, HS thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, không vi phạm những điều không được làm và được đảm bảo các quyền theo quy định; có nhiều HS đạt thành tích trong học tập và rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

Điểm yếu cơ bản của nhà trường:

Nhân viên kiêm nhiệm thêm công việc khác chưa được đào tạo chuyên môn chính quy công tác kiêm nhiệm

- Kiến nghị đối với trường: Kiến nghị đối với trường: Từ năm học 2019-2020, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch phát triển trường, lớp đặc biệt chú ý về cơ cấu GV của trường, tích cực tham mưu lãnh đạo PGD&ĐT huyện Tân Hiệp tuyển nhân viên đủ chuyên môn theo vị trí việc làm  để tiêu chí này đạt mức 3.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
  + Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
  + Đạt Mức 1: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 2: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 3: 3/4 (3/4) tiêu chí chiếm 75 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất trong nhà trường là một yếu tố không kém phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dạy học. Chính vì vậy, trong nhiều năm qua, nhà trường đã làm tốt công tác quản lý tài sản, tài chính theo đúng quy định hiện hành và luật ngân sách; trường có khuôn viên riêng biệt, có sân chơi, sân tập; Có phòng học đủ cho các lớp học 2 buổi/ngày; có khu hành chính quản trị, một số phòng phục vụ học tập, có khu nhà vệ sinh, nhà xe, sân vận động, hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác,... đáp ứng yêu cầu. Thư viện được công nhận đạt chuẩn; trang thiết bị được trang bị tương đối đầy đủ phục vụ cho công tác dạy và học.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;

c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;

b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Khuôn viên trường tại 3 điểm trường đều có trồng cây bóng mát đảm bảo quy định, cụ thể: Khuôn viên điểm trường chính trồng cây bóng mát, cây kiểng, bồn hoa hài hòa, phù hợp với quy hoạch của nhà trường, luôn đảm xanh, sạch, đẹp, thông thoáng, 02 điểm lẻ đều có cây xanh bóng mát, cây kiểng đảm bảo quy định. HS có ý thức trong bảo quản chung, biết giữ vệ sinh sân trường, ăn uống và bỏ rác đúng nơi quy định, có người thu gom rác và tiêu hủy mỗi ngày, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Trường công nhận Xanh – Sạch – Đẹp và An toàn mức độ 2 năm học 2016 - 2017 và được kiểm tra đánh giá lại mức độ 2 năm học 2019 - 2020 [H3-3.1-01].

Cổng trường, biển tên trường của cả 3 điểm trường được xây dựng kiên cố, đảm bảo theo yêu cầu và luôn an toàn, thẩm mỹ, có bảng tên trường rõ ràng. Điểm chính và điểm phụ 2 ( ấp kinh 2B) có tường rào bao quanh xây dựng kiên cố; điểm phụ 1 ( ấp kinh 5B) có hàng rào bao quanh bằng hàng rào lưới B40 nhằm đảm bảo thành khu riêng biệt, tách rời với khu vực người dân xung quanh [H3-3.1-02].

Cả 3 điểm trường đều có bố trí sân chơi, sân tập thể dục thể thao phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của học sinh và các hoạt động giáo dục tại các điểm trường. Tuy nhiên ở điểm phụ 1 việc bố trí sân chơi, sân tập cho các em chưa được hợp lý do quy hoạch xây dựng chưa hợp lý [H3-3.1-03].

Mức 2:

Nhà trường có tổng diện tích khuôn viên của ba điểm trường là 8840m2, trong đó tại điểm trường chính (ấp Tân Long) diện tích 3102,5m2; điểm phụ 1( kinh 5B) diện tích 2931,7m2; điểm phụ 2 ( kinh 2B) 2806,3m2, diện tích trung bình khoảng 20m2/học sinh (446 HS). Sân chơi, sân tập thể dục thể thao của nhà trường được bố trí trên diện tích là 3750m2, chiếm 41,7% tổng diện tích, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học [H3-3.1-04]; [H3-3.1-03].

Sân chơi, sân tập của nhà trường đảm bảo cho học sinh thường xuyên vui chơi, luyện tập thể dục thể thao như: học thể dục, tập thể dục đầu giờ, bóng rổ, đá cầu, điền kinh … Hằng năm kết quả giáo dục thể chất của các em đều hoàn thành và hoàn thành tốt. Kết quả tham gia các phong trào thể dục thể thao, hội khỏe phù đổng do PGD&ĐT tổ chức đều đạt kết quả cao như: năm học 2014 – 2015 đạt 2 giải ba môn đá cầu, 1 giải ba môn điền kinh; năm học 2016 – 2017 đạt 1 giải nhất; 3 giải nhì và 3 giải 3 môn cờ vua học sinh phổ thông; tham gia Hội khỏe Phù Đổng năm học 2017 – 2018 đạt giải nhì môn đá cầu; 4 giải nhất và 2 giải nhì môn cờ vua cấp huyện, đạt 2 giải nhì 1 giải 3 cấp tỉnh môn cờ vua. Qua đó đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh [H3-3.1-05]; [H3-3.1-06].

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát đảm bảo cho học sinh vui chơi, luyện tập khi trời nắng, đảm bảo các yêu cầu sạch, đẹp, thoáng theo quy định; Sân chơi được trang bị các đồ chơi, thiết bị vận động như  bóng rổ; đá cầu; cờ vua, cầu trượt, xích đu... Tuy nhiên diện tích cây bóng mát che phủ trên sân chơi và bãi tập ở điểm phụ 1 còn ít [H3-3.1-07].

**2. Điểm mạnh**

Trường có khuôn viên rộng  rãi thoáng mát với diện tích là 8840m2, diện tích đạt 20 m2/HS. Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao với diện tích là 3750 m2, chiếm 41,7% tổng diện tích đất của toàn trường. Sân chơi, sân tập được sử dụng hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, lôi cuốn học sinh đến trường.

**3. Điểm yếu**

Do xây dựng, mở rộng ở Điểm phụ 1 nhiều lần nên quy hoạch tổng thể chưa hợp lý dẫn đến việc bố trí sân chơi, sân tập không liền nhau, cây xanh, bóng mát còn ít.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt như: Duy trì diện tích sân chơi, sân tập đảm bảo tỷ lệ theo quy định; thường xuyên bổ sung thiết bị, đồ chơi luyện tập thể dục thể thao, nâng cao hiệu quả tổ chức các hoạt động giáo dục. Năm học 2019-2020, Hiệu trưởng có kế hoạch chỉ đạo đội ngũ GV và HS tăng cường chăm sóc, trồng thêm cây xanh bóng mát, cây kiểng ở Điểm phụ 1; phấn đấu đến năm học 2020-2021 độ che phủ bóng mát ở điểm trường này đạt yêu cầu đề ra (tương đương với các điểm còn lại của trường).

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;

b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;

c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;

c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có 17 phòng học/17 lớp, đảm bảo mỗi lớp 01 phòng học riêng. Các phòng học đúng quy cách, đủ ánh sáng, sạch sẽ, thoáng mát, đảm bảo an toàn cho GV và HS theo quy định về vệ sinh trường học; có điều kiện tối thiểu dành cho HS khuyết tật học tập thuận lợi theo theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ trường tiểu học[H3-3.2-01]; [H1-1.6-08].

Nhà trường có 312 bộ bàn ghế gỗ hai chỗ ngồi sơn PU. Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc của bàn ghế HS đảm bảo quy định theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT - BGDĐT- BKHCN - BYT, ngày 16/6/2011 của BGD&ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế; có 26 bộ bàn ghế GV, các lớp đều có 01 bảng chống lóa được treo đúng quy định [H1-1.6-08]; [H1-1.6-10].

Các phòng học của nhà trường đều có điện, được trang bị tối thiểu 04 cây quạt và 04 bóng đèn/phòng học. Bên cạnh đó mỗi phòng học còn được trang bị 01 tủ đựng hồ sơ, thiết bị học theo Điều 46 của Điều lệ trường tiểu học và 01 kệ làm góc thư viện [H1-1.6-08]; [H1-1.6-10].

Mức 2:

Các phòng học của trường đạt về diện tích theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 8793:2011 về trường tiểu học - yêu cầu thiết kế. Mỗi phòng học có diện tích 48m2 (trung bình tối thiểu đạt 1.37m2/01HS) [H1-1.6-08]; [H3-3.2-01].

Tủ đựng thiết bị dạy học có các thiết bị như: bộ thước ê ke, bộ thực hành thao tác học môn Toán, Tiếng Việt, bộ lắp ráp mô hình học môn Kĩ thuật, bảng phụ,… được sắp xếp hợp lý và đảm bảo an toàn, thuận tiện khi sử dụng [H1-1.6-08]; [H3-3.2-01].

Bàn ghế HS có kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng và màu sắc đảm bảo quy định tại Điều 3,4,5,6, Thông tư liên tịch số 26/BGD-BKHCN-BYT của BGD&ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế . Hiện nay, số lượng bàn ghế đảm bảo đủ chỗ ngồi cho HS toàn trường [H1-1.6-08]; [H1-1.6-10].

Mức 3:

Nhà trường bố trí 06 phòng học riêng biệt cho các môn Âm Nhạc, Mỹ thuật và Ngoại ngữ ở 03 điểm trường như sau: Mỗi điểm đều có 01 phòng dạy Âm nhạc và Mỹ thuật chung; 01 phòng dạy Tiếng Anh. Các phòng bộ môn được trang bị đủ các thiết bị dạy học theo đặc thù môn học như: Đàn organ phòng âm nhạc;  tai nghe cho phòng ngoại ngữ và các thiết bị dạy Mỹ thuất khác. Tuy nhiên chưa có phòng Khoa học cho HS học những tiết đặc thù liên quan đến thí nghiệm, thực hành môn Tự nhiện-Xã hội và Khoa học. Phòng dạy Tiếng Anh ở Điểm phụ 2 chưa có đủ thiết bị nghe nhìn như 2 điểm còn lại [H3-3.2-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã bố trí đủ số phòng học, đảm bảo 01 lớp/01 phòng học. Mỗi phòng học đều đảm bảo diện tích, thoáng mát, có đủ bàn ghế HS được thiết kế phù hợp với đối tượng HS, bàn ghế GV, bảng viết chống lóa có kết cấu, kính thước và màu sắc theo quy định; có 01 tủ chứa hồ sơ và thiết bị theo quy định và có hệ thống đèn chiếu sáng.

**3. Điểm yếu**

Hiện nay chưa bố trí được phòng Khoa học để dạy những bài có hoạt động thực hành, thí nghiệm như môn Tự nhiện –Xã hội, Khoa học. Phòng dạy Âm nhạc và Mỹ thuật còn chung (chưa có đủ phòng để bố trí riêng biệt). Phòng dạy tiếng Anh ở Điểm phụ 2 chưa có đủ thiết bị nghe nhìn.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục phát huy nhưng điểm mạnh đã đạt như: Đảm bảo tỷ lệ 01 lớp/01 phòng, bàn ghế HS đạt tiêu chuẩn và đầy đủ; lớp học được trang trí theo quy định. Năm 2020, hiệu trưởng có kế hoạch mua sắm thêm trang thiết bị nghe nhìn cho phòng dạy tiếng Anh ở Điểm phụ 2. Năm 2022 Hiệu trưởng hoàn thành việc tham mưu xây dựng thêm phòng học bộ môn, sắp xếp để các điểm trường có phòng Khoa học tạo điều kiện cho HS thực hành thí nghiệm, đổi mới PPDH, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Các phòng Âm nhạc, Mỹ thuật được bố trí riêng biệt.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có 08 phòng gồm có 03 phòng giáo dục nghệ thuật ở 3 điểm trường, 02 phòng dạy Tin học ở Điểm chính và Điểm phụ 1; 02 phòng thiết bị giáo dục ở Điểm chính và Điểm phụ 1, 01phòng truyền thống và hoạt động Đội ở Điểm chính được trang bị các dụng cụ cần thiết phục vụ cho hoạt động Đội được xây dựng kiên cố đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục [H3-3.3-01].

Khối phòng hành chính - quản trị gồm 10 phòng: 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó hiệu trưởng, 01 văn phòng, 01 phòng Hội đồng giáo viên, 03 phòng nghỉ của GV, 01 phòng y tế, 01 phòng thường trực bảo vệ, 01 nhà kho. Các phòng này đều được xây dựng kiên cố và bán kiên cố đáp ứng yêu cầu hoạt động hành chính quản trị của nhà trường. [H1-1.6-08]; [H1-1.6-10]; [H3-3.3-02].

Cả ba điểm trường đều có nhà để xe cho CB – GV - NV và  học sinh, được bố trí hợp lý tại góc phải của khuôn viên trường theo hướng từ cổng vào, được gắn camera giám sát nhằm đảm bảo an toàn, trật tự. Tuy nhiên nhà để xe giáo viên ở điểm phụ 2 đã  xuống cấp [H1-1.6-08].

Mức 2:

Khối phòng phục vụ học tập có 16 phòng: gồm có 03 phòng giáo dục nghệ thuật ở 3 điểm trường, 02 phòng học Tin học ở Điểm chính và Điểm phụ 1; 03 phòng  dạy Tiếng Anh ở 3 điểm trường; 02 phòng giáo dục thể chất ở 2 điểm trường;  02 phòng thiết bị ở điểm Chính và Điểm phụ 1; 03 phòng thư viện ở 3 điểm trường, 01phòng truyền thống và hoạt động Đội. Khối phòng hành chính- quản trị có 10 phòng gồm: 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó hiệu trưởng, 01 văn phòng, 01 phòng Hội đồng giáo viên, 03 phòng nghỉ của GV, 01 phòng y tế học đường, 01 phòng thường trực bảo vệ, 01 nhà kho. Nhìn chung, khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị được xây dựng kiên cố  hoặc bán kiên, đáp ứng  yêu cầu dạy học và hoạt động hành chính quản trị của nhà trường [H1-1.6-08]; [H1-1.6-10]; [H3-3.3-02].

Hồ sơ của nhà trường được lưu trữ tại Văn phòng trong các tủ riêng từng loại cho từng bộ phận; có phân công người quản lí lưu trữ hồ sơ. Ngoài ra còn bố trí các tủ lưu trữ hồ sơ riêng đối với các bộ phận, đoàn thể của nhà trường như: Công đoàn, Đoàn đội đảm bảo đúng quy định của Luật Lưu trữ [H1-1.6-08].

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị như: Phòng Tin học ở Điểm chính được trang bị 15 bộ bàn, ghế 16 máy tính đạt tỷ lệ 2HS/máy và 01 máy tính cho GV. Phòng máy ở Điểm phụ 1 gồm 22 máy đạt tỷ lệ 2HS/máy và 01 máy tính cho GV; toàn bộ máy được kết nối internet. Thư viện được trang bị đầy đủ các loại bàn ghế, tủ, giá sách, máy tính kết nối internet …. Phòng thiết bị giáo dục trang bị bàn ghế làm việc, tủ kệ để trưng bày trang thiết bị. Phòng truyền thống và hoạt động Đội được trang bị bàn ghế làm việc, tủ hồ sơ, máy tính ....Đối với khối phòng hành chính - quản trị, các phòng Hiệu trưởng, phòng Phó Hiệu trưởng, mỗi phòng đều được trang bị 01 bộ bàn ghế làm việc cá nhân, 01 bộ bàn ghế họp và tiếp khách, máy vi tính và máy in; phòng y tế học đường được trang bị 01 bộ bàn ghế làm việc,  01 giường bệnh, tủ thuốc.Văn phòng được trang bị 01 bộ bàn ghế làm việc cá nhân, 01 bàn cỡ lớn và ghế ngồi họp hoặc tiếp khách, 01 máy tính để bàn, 01 máy in, 01 máy photocoppi, điện thoại để bàn …. Kho dùng để chứa trang thiết bị dự phòng, hư hỏng. Phòng thường trực bảo vệ được bố trí có bộ bàn ghế làm việc, 01 giường, quạt, đèn [H1-1.6-10]; [H3-3.3-01].

**2. Điểm mạnh**

Trường có đầy đủ các phòng khối hành chính - quản trị, trong đó mỗi khối phòng có diện tích đảm bảo theo quy định; mỗi phòng được trang bị đầy đủ các thiệt bị cho các bộ phận làm việc, hồ sơ sổ sách được sắp xếp khoa học, ngăn nắp đáp ứng nhu cầu hoạt động giáo dục và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. Có nơi lưu trữ tài liệu, hồ sơ chung.

**3. Điểm yếu**

Nhà để xe giáo viên ở Điểm phụ 2 đã  xuống cấp, nguyên nhân do xây dựng đã lâu năm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh như: duy trì khối hành chính - quản trị đủ về số lượng và trang bị đủ các dụng cụ, thiết bị chuyên dùng. Năm 2021 Hiệu trưởng có kế hoạch tiếp kiệm kinh phí, huy động nguồn lực tài chính hoàn thành tu sửa nhà xe của giáo viên ở Điểm phụ 2 đáp ứng nhu cầu bảo vệ an toàn tài sản của CB-GV-NV đến giảng dạy, công tác ở đểm trường này.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có 06 khu vệ sinh dành cho CB - GV và HS ở 3 điểm trường. Các khu vệ sinh của GV và của HS đều được thiết kế xây dựng riêng biệt cho nam hoặc cho nữ. Cụ thể, mỗi điểm trường đều có 02 khu vệ sinh (01 khu vệ sinh dành cho GV và 01 khu vệ sinh cho HS; mỗi khu đều thiết kế ngăn riêng biệt cho nam hoặc cho nữ). Các khu vệ sinh của HS và GV được bố trí ở cuối các dãy phòng học, phòng làm việc bảo đảm về thẩm mỹ tổng quan của trường và thuận tiện cho việc sử dụng [H3-3.4-01].

Nhà trường có hệ thống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt bằng hệ thống cống bao quanh trường, không để ứ đọng xung quanh; luôn đảm bảo vệ sinh môi trường. Hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho CB – GV - NV và HS. Nước sinh hoạt được lấy từ các giếng khoan; sử dụng nước lọc đảm bảo nguồn nước uống cho GV và HS [H3-3.4-02]; [H1-1.6-10].

Hằng ngày, nhà trường tổ chức cho học sinh quét dọn vệ sinh, thu gom rác thải vào thùng chứa, có người thu gom rác mang đi thiêu hủy bằng lò đốt rác đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.4-03]; [H3-3.4-04];[H3-3.4-05].

Mức 2:

Xác định tầm quan trọng và cần thiết của khu vệ sinh vì vậy khi xây dựng các nhà thầu đã xây dựng và bố trí khu vệ sinh nhà trường ở phía sau cuối của trường, cách biệt với các dãy phòng học rất hợp lý theo từng khối chức năng và đáp ứng yêu cầu sử dụng của GV và HS, đảm bảo vệ sinh, không làm ô nhiễm môi trường. Đảm bảo đủ số lượng đáp ứng nhu cầu sử dụng của GV và HS. Khu vệ sinh được thiết kế và xây dựng riêng biệt, đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học [H3-3.4-01].

Hệ thống cấp nước sạch đáp ứng quy định tại khoản 1 và 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT -BYT ngày 15/5/2016 của BGD&ĐT và Bộ Y tế Quy định về công tác y tế trường học, cụ thể: Được sử dụng nguồn nước giếng khoan đảm bảo nước sinh hoạt cho GV, NV và HS. Bên cạnh đó, nhà trường đã trang bị bình nước nóng lạnh để sử dụng đảm bảo nước uống cho CB- GV -NV. Riêng HS, BĐDCMHS các lớp đã vận động PHHS trang bị nước lọc tại lớp hoặc trang bị bình nước mang theo để phục vụ nhu cầu nước uống cho HS. Đối với việc thu gom và xử lý chất thải, nhà trường có các thùng chứa rác nhỏ cho từng lớp, trên khuôn viên có các thùng chứa rác lớn, có nắp đậy và đủ để phân loại rác thải; có hợp đồng với người ngoài làm vệ sinh các khu nhà vệ sinh, thu gom rác thải từ các thùng chứa về lò đốt. Công việc vệ sinh, thu gom và xử lý rác thải được thực hiện thường xuyên hằng ngày nên không có rác thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của BGD&ĐT và Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học [H3-3.4-05].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có hệ thống thoát nước đảm bảo không ứ đọng làm ảnh hưởng đến các hoạt động giáo dục, bảo vệ môi trường. Có nguồn nước sạch từ giếng khoan đảm bảo đủ nhu cầu phục vụ nhà vệ sinh và nhu cầu sinh hoạt trong trường. Có phương án thu gom và xử lý rác thải thường xuyên và phù hợp.

**3. Điểm yếu**

Nhà vệ sinh cho học sinh ở Điểm phụ 2 xuống cấp cần tu sửa bảo dưỡng

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt như: Giữ gìn, tu sửa và khơi thông định kỳ hệ thống cống thoát nước ở các điểm trường để đảm bảo vệ sinh môi trường. Duy trì đủ nước sinh hoạt và nước uống cho GV và HS hợp vệ sinh, an toàn. Năm học 2019-2020 Hiệu trưởng tham mưu với Lãnh đạo PGD&ĐT cấp kinh phí xây dựng mới hoặc tu sửa nhà vệ sinh của HS ở Điểm phụ 2 để đáp ứng nhu cầu vệ sinh hàng ngày ở điểm trường này.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Cụ thể, 01 phòng làm việc được trang bị 01 bộ bàn ghế làm việc cá nhân, 01 bàn cỡ lớn và ghế ngồi họp hoặc tiếp khách, 01 máy tính để bàn được kết nối internet, 01 máy in, điện thoại để bàn, tủ đựng tài liệu và các thiết bị khác quạt, đèn [H1-1.6-08].

Có đủ thiết bị dạy học theo quy định tại Thông tư 15/2009/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 7 năm 2009 của BGD&ĐT; về  việc Ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiếu cấp tiểu học và Thông tư 01/2018/TT-BGDĐT *ngày 26 tháng 01 năm 2018 về việc ban hành danh mục thiết bị day học tối thiểu môn học giáo duc Quốc phòng và an ninh trong trường Tiểu học*  Cụ thể có 17 bộ thiết bị dạy học, trong đó: Khối 1 có 04 bộ, Khối 2 có 04 bộ, Khối 3 có 03 bộ, Khối 4 có 03 bộ, Khối 5 có 03 bộ. Căn cứ Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT về Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, nhà trường đã trình PGD&ĐT cấp kinh phí mua sắm để giảng dạy trong năm học 2020 - 2021[H3-3.5-01].

Hằng năm, nhà trường đều thành lập ban kiểm kê tài sản Thư viện – Thiết bị vào cuối năm học để kiểm kê, ngoài ra còn kiểm kê vào cuối năm tài chính theo quy định .Các thiết bị hư hỏng được tiến hành sửa chữa kịp thời[H3-3.5-02].

Mức 2:

Hiện nay nhà trường có 02 phòng máy tính phục vụ HS, phòng máy ở điểm chính  gồm 16 máy đạt tỷ lệ 2HS/máy và 01 máy tính cho GV; phòng máy ở điểm phụ 1 gồm 22 máy đạt tỷ lệ 2HS/máy và 01 máy tính cho GV toàn bộ máy được kết nối internet; 07 máy tính phục vụ cho công tác quản lý, hành chính đã dược kết nối internet đạt tỉ lệ 100%; 04 bộ phát sóng wiffi; Thư viện được trang bị 01 máy tính kết nối internet đảm bảo đủ yêu cầu đạt chuẩn thư viện tiên tiến [H3-3.5-03].

Có đủ thiết bị dạy học theo quy định tại Thông tư 15/2009/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 7 năm 2009 của BGD&ĐT; về  việc Ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiếu cấp tiểu học và Thông tư 01/2018/TT-BGDĐT *ngày 26 tháng 01 năm 2018 về việc ban hành danh mục thiết bị day học tối thiểu môn học giáo duc Quốc phòng và an ninh trong trường Tiểu học*  Cụ thể có 17 bộ thiết bị dạy học, trong đó: Khối 1 có 04 bộ, Khối 2 có 04 bộ, Khối 3 có 03 bộ, Khối 4 có 03 bộ, Khối 5 có 03 bộ. Căn cứ Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT về Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, nhà trường đã trình PGD&ĐT cấp kinh phí mua sắmđể giảng dạy trong năm học 2020 – 2021. Ngoài ra, mỗi học sinh đều được trang bị thiết bị dùng riêng để phục vụ các môn học như: Toán, Tiếng Việt, thủ công (kỹ thuật) [H3-3.5-01].

Hằng năm, thiết bị dạy học của nhà trường đều được bổ sung, cụ thể: Năm 2015– 2016 mua 01 máy tính để phụ vụ giảng dạy; năm học 2017 – 2018: mua 6 máy tính để bàn, 1 máy chiếu, 5 tủ sắt tại lớp, 45 bộ bàn ghế 2 chỗ ngồi; năm học 2018 – 2019: mua 2 đàn Ogan để phục vụ dạy Âm nhạc; năm 2019 – 2020: trang bị 5 màn hình ti vi lớn; 24 máy tính phục vụ giảng dạy ...Bên cạnh đó, hằng năm nhà trường đều phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học đối với giáo viên. Tuy đồ dùng tự làm có số lượng lớn nhưng chưa đa dạng, phong phú mà chủ yếu là tranh, ảnh; các thiết bị mang tính mô hình động, ứng dụng tin học … còn hạn chế[H3-3.5-04]; [H3-3.5-05].

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.Trong các tiết dạy, đội ngũ GV của nhà trường đã sử dụng các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm phù hợp với đặc trưng của tiết dạy, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Trong đó, có nhiều đồ dùng, bài giảng tự làm tham gia hội thi đạt giải cấp huyện [H3-3.5-06]; [H1-1.1-07].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ máy tính phục vụ cho dạy và học; thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ cho hoạt động của nhà trường; có thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. GV sử dụng các thiết bị dạy học có hiệu quả và thiết bị dạy học thực sự trở thành nhu cầu của GV và HS trong mỗi tiết học.

**3. Điểm yếu**

Thiết bị tự làm của giáo viên chưa phong phú, các thiết bị mang tính mô hình động, ứng dụng tin học … còn hạn chế

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh như: Duy trì các phòng máy và hệ thống máy tính có kết nối Internet để nâng cao chất lượng quản lý và giảng dạy. Từ năm học 2019-2020 Hiệu trưởng kết hợp với BCH Công đoàn phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học. Phân công Phó Hiệu trưởng trực tiếp chỉ đạo, khuyến khích các tổ khối thực hiện tốt phong trào tự làm thiết bị-đồ dùng dạy học, chú trọng vào mô hình mang tính sáng tạo, ứng dụng công nghệ thông tin, động, … để thực hiệu hiệu quả đổi mới PPDH nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Hiệu trưởng tham mưu với các cấp thẩm quyền có kế hoạch mua sắm ti vi màn hình lớn và bổ sung thay thế các thiết bị hư hỏng, còn thiếu để đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Thư viện của nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học. Cụ thể: Có 7.142  bản sách. Trong đó, sách giáo khoa: 2.591 bản; sách giáo viên: 396 bản; sách tham khảo: 1.324 bản; sách thiếu nhi: 2.764 bản; sách pháp luật: 67 bản. Ngoài ra còn có các loại báo, tạp chí như: báo Nhân dân, báo Giáo dục và Thời đại, báo Kiên Giang, Bản tin khoa học, bản đồ và tranh ảnh giáo dục. Qua đó, thư viện đảm bảo phục vụ nhu cầu sách giáo khoa, bàn đồ, ... phục vụ dạy học[H3-3.6-01].

Hàng năm có xây dựng và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch hoạt động của thư viện; Thư viện của nhà trường mở cửa tất cả các ngày trong tuần và có lịch phục vụ tại các điểm lẻ; Các phòng học có góc thư viện, tạo điều kiện và đáp ứng yêu cầu tối thiểu của cán bộ quản lý, GV – NV và HS. Có hồ sơ theo dõi mượn, trả sách, tài liệu và thực hiện việc cập nhật các loại hồ sơ của thư viện kịp thời [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03];[H3-3.6-04].

Hằng năm, nhà trường đều thành lập ban kiểm kê tài sản thư viện – Thiết bị vào cuối năm học để kiểm kê sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo . Bên cạnh đó, căn cứ vào nhu cầu thực tế, hàng năm, nhà trường đều có bổ sung thêm sách, báo, tài liệu tham khảo ... cho thư viện, đã làm tăng thêm nhiều loại sách, phong phú về thể loại, tạo cho HS tính ham đọc sách và bổ sung kiến thức cho các em. Tuy nhiên các đầu báo và tạp chí tham khảo bổ sung hàng năm còn ít[H3-3.6-05].

Mức 2:

Năm 2011, nhà trường được PGD&ĐT cấp kinh phí để trang bị các thiết bị, sách, làm nghiệp vụ thư viện và được SGD&ĐT kiểm tra, công nhận thư viện đạt chuẩn theo Quyết định 01/2003/QĐ/BGDĐT ngày 02/01/2003 của BGD&ĐT về ban hành quy định tiêu chuẩn Thư viện trường phổ thông theo Giấy chứng nhận số 482/CN-TV 2012 ngày 26 tháng 03 năm 2012 của Giám đốc SGD&ĐT Kiên Giang [H3-3.6-06].

Mức 3:

Hiện thư viện của nhà trường đã được công nhận thư viện trường học tiên tiến theo Quyết định số 156/QĐ - SGDĐT, ngày 4 tháng 3 năm 2020. Đồng thời, thư viện có 01 máy tính, được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, GV- NV và HS[H3-3.6-06]

**2. Điểm mạnh**

Thư viên nhà trường đã được công nhận thư viện trường học tiên tiến và hoạt động thường xuyên, đáp ứng nhu cầu phục vụ công tác quản lý và giảng dạy; lôi cuốn GV và HS đến đọc sách. Tổ chức kiểm kê theo định kỳ quy định, cập nhật hồ sơ sổ sách đầy đủ, kịp thời đúng chuyên môn.

**3. Điểm yếu**

Hiện nay một số đầu báo, tạp chí tham khảo và hệ thống máy tính phục vụ nhu cầu dạy và học của HS và GV còn ít do kinh phí của nhà trường còn hạn hẹp nên chưa bổ sung kịp thời.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt như nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện trường học. Năm học 2019-2020, Hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên thư viện cùng với các bộ phận liên quan tổ chức lập kế hoạch bổ sung, mua sắm thiết bị, sách báo, tranh truyện, một số máy tính cần thiết để phụ vụ nhu cầu giảng dạy và nhu cầu đọc sách của HS; có kế hoạch bổ sung theo đề nghị của nhân viên thư viện.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 3:**

- Điểm mạnh cơ bản của nhà trường: Nhà trường có tổng diện tích khuôn viên rộng rãi, trung bình 20m2/1HS. Các điểm trường có tường rào bao quanh, có cổng và biển trường đúng Điều lệ trường tiểu học, đảm bảo các điều kiện an toàn cho GV và HS. Diện tích sân chơi, sân tập đảm bảo tỷ lệ quy định; HS được vui chơi, luyện tập thể dục thể thao và thuận tiện tổ chức các hoạt động giáo dục ở các điểm trường. Số lượng phòng học được xây dựng kiên cố và bán kiên cố, đạt tỷ lệ 01 phòng/01 lớp. Bàn ghế GV và HS đầy đủ, đảm bảo tiêu chuẩn quy định. Khối phòng phục vụ học tập cơ bản đáp ứng nhu cầu tối thiểu của các điểm trường. Các phòng làm việc được trang bị thiết bị văn phòng đảm bảo điều kiện làm việc của cán bộ quản lý và các bộ phân chuyên môn. Hệ thống máy tính được kết nối internet, thư viện đã đạt công nhận thư viện tiên tiến.

- Điểm yếu cơ bản của nhà trường:

Tuy nhiên hiện nay sân chơi, sân tập ở Điểm phụ 1 còn ít cây xanh bóng mát;  chưa bố trí được phòng Khoa học riêng biệt, phòng dạy Âm nhạc và Mỹ thuật còn chung. Nhà để xe giáo viên ở Điểm phụ 2 đã  xuống cấp cần sửa chữa.

- Kiến nghị đối với trường: Nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt. Từ năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng có kế hoạch từng bước khắc phục những hạn chế nêu trên và cải tiến chất lượng cao hơn.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
  + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
  + Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 3: 6/6 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy toàn diện, nhà trường đã phối hợp chặt chẽ các mối quan hệ nhà trường, gia đình và xã hội để thành lập BĐDCMHS của trường đúng theo Điều lệ. BĐD CMHS đã được nhà trường gây dựng từ nhiều năm nay đã phát huy hiệu quả trong các hoạt động của nhà trường, nhất là trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với CMHS; huy động HS đến trường, vận động HS đã bỏ học trở lại lớp; giáo dục ngoài giờ lên lớp và công tác vận động xã hội hóa hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ dạy và học. Ngoài ra, mối quan hệ giữa nhà trường với nhân dân và chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể đóng trên địa bàn ngày càng phát triển. Đó là những yếu tố quan trọng góp phần vào thành tích chung của trường trong những năm qua.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

BĐDCMHS của nhà trường được thành lập theo Điều lệ BĐDCMHS (ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng (BGD&ĐT), BĐDCMHS gồm 05 thành viên, trong đó có trưởng ban, 02 phó ban và 02 thành viên; BĐDCMHS từng lớp gồm 3 thành viên trong đó có 01 trưởng ban, 01 phó ban, 01 ủy viên [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]..

BĐDCMHS của nhà trường có kế hoạch hoạt động theo năm học để thực hiện nhiệm vụ [H4-4.1-03].

Trong năm học, BĐDCMHS đã tổ chức hoạt động theo kế hoạch hoạt động, đảm bảo nội dung và đúng tiến độ. Theo đó tổ chức họp BĐDCMHS định kì 3 cuộc và một số cuộc họp đột xuất. Tuy nhiên, việc tổ chức họp BĐDCMHS có  lúc không đủ thành phần, một vài hoạt động của BĐDCMHS thực hiện chưa kịp tiến độ kế hoạch đề ra [H4-4.1-01].

Mức 2:

BĐDCMHS phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục trong nhà trường thông qua Quy chế phối hợp với nhà trường và được thể hiện ở kế hoạch hoạt động của BĐDCMHS cũng như sổ họp của Ban đại diện Trong đó đã hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính về giáo dục đối với CMHS, cụ thể: Thực hiện tốt công tác tuyên truyền về đổi mới phương pháp dạy học theo mô hình trường học mới, đánh giá HS theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/4/2014; Thông tư 22/2016 ngày 22/9/2016 của BGD&ĐT. Đồng thời phối hợp tuyên truyền về cách nhận xét, đánh giá kết quả học tập của HS tiểu học, giáo dục an toàn giao thông nhằm tăng thêm sự hiểu biết của phụ huynh cũng như các hoạt động giáo dục lồng ghép tạo sự đồng thuận từ phía cộng đồng về công tác đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục theo chủ trương của Đảng, của ngành GD-ĐT trong giai đoạn hiện nay; huy động 100% HS đến trường vào đầu các năm học , vận động HS  có nguy cơ bỏ học trở tiếp tục đi học , hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn  và thể hiện rõ qua và sổ họp của Ban đại diện và qua báo cáo tổng kết của ban đại diện [H1-1.6-12]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-01]; [H4-4.1-04].

Mức 3:

BĐDCMHS đã phối hợp có hiệu quả với Hiệu trưởng trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; phối hợp với Hiệu trưởng hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục; trong giáo dục đạo đức cho HS; bồi dưỡng, khuyến khích HS giỏi, giúp đỡ HS yếu kém; giúp đỡ HS nghèo, HS khuyết tật và HS có hoàn cảnh khó khăn khác; huy động nhiều nguồn lực để hỗ trợ HS nghèo có khó khăn trong học tập, khen thưởng kịp thời những HS có thành tích xuất sắc trong học tập và các phong trào của trường từ đó góp phần thúc đẩy phong trào giáo dục của nhà trường ngày một phát triển [H4-4.1-01]; [H4-4.1-04].

**2. Điểm mạnh**

Hàng năm, nhà trường đều có thành lập (hoặc kiên toàn) BĐDCMHS và hoạt động theo đúng Điều lệ quy định để BĐDCMHS hoạt động hiệu quả, BĐDCMHS đã phối hợp với nhà trường xây dựng kế hoạch và chương trình sinh hoạt định kỳ trong năm. Qua đó, BĐDCMHS thường xuyên phối hợp với nhà trường trong công tác tuyền truyền phổ biến giáo dục pháp luật; bàn các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục; thực hiện tốt công tác huy động HS đến trường, vận động HS bỏ học ra lớp, huy động nhiều nguồn lực để hỗ trợ HS nghèo có khó khăn trong học tập, khen thưởng kịp thời những HS có thành tích xuất sắc trong học tập và các phong trào của trường từ đó góp phần thúc đẩy phong trào giáo dục của nhà trường ngày một phát triển.

**3. Điểm yếu**

Đa số CMHS của trường đều bận nhiều việc gia đình nên việc tổ chức họp BĐDCMHS có  lúc không đủ thành phần, một vài hoạt động của BĐDCMHS thực hiện chưa kịp tiến độ kế hoạch đề ra

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, BĐDCMHS xây dựng kế hoạch và sắp xếp thời gian hoạt động phù hợp hơn để tất cả các thành viên trong BĐDCMHS đuợc tham gia họp và hoạt động đầy đủ. Đồng thời kiện toàn BĐDCMHS với thành viên có uy tín, có đủ điều kiện về thời gian, nhiệt tình, tâm huyết với công tác của  BĐDCMHS để phối hợp tốt với nhà trường trong thực hiên nhiệm vụ và kế hoạch đề ra.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Mức 1:

 Nhà trường đã tham mưu với Đảng ủy và UBND Xã Tân An và ngành giáo dục về phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn đến năm 2025; phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2017 và giai đoạn 2017 – 2020; các tờ trình để thực hiện các nhiệm vụ của nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02];  [H4-4.2-01].

Nhà trường đã tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường thông qua niêm yết các văn bản của các cấp thông qua các cuộc họp CMHS; Thông qua các kỳ họp báo của UBND Xã [H4-4.2-02]; [H4-4.1-01].

Hằng năm nhà trường phối hợp với BĐDCMHS xây dựng kế hoạch huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định để thực hiện công tác nâng cấp cơ sở vật chất, cảnh quan nhà trường, xanh - sạch - đẹp, Công tác xã hội hóa giáo dục được BĐDCMHS và nhà trường phối hợp đẩy mạnh nhằm khắc phục tình trạng cơ sở vật chất  xuống cấp góp phần xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực của trường; khen thưởng cho các HS có thành tích cao trong học tập, hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn để các em có điều kiện tiếp tục theo học đã đạt hiệu quả thiết thực trong việc góp phần cùng nhà trường từng bước cải thiện cảnh quan, cơ sở vật chất của nhà trường; thực hiện tốt khuyến học, khuyến tài để duy trì sĩ số và nâng cao chất lượng giáo dục HS; BĐDCMHS  cùng với nhà trường huy động nguồn lực xã hội hóa cho nhà trường là lớn tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng đủ so với nhu cầu hỗ trợ các hoạt động giáo dục, chăm lo HS khó khăn; xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học của nhà trường [H4-4.2-03]; [H4-4.2-04].

Mức 2:

Nhà trường tham mưu với Đảng ủy, UBND xã Tân  An, phòng giáo dục huyện Tân  Hiệp để tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2025 thông qua kế hoạch vận động các nguồn lực các tờ trình, các đề xuất, kiến nghị thông qua báo cáo sơ tổng kết năm học [H4-4.2-03]; [H4-4.2-01]; [H1-1.1-07].

Nhà trường có kế hoạch phối hợp với BĐDCMHS, các đoàn thể, cá nhân để giáo dục HS về truyền thống lịch sử và văn hóa dân tộc đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh . Cụ thể: Phối hợp với Đoàn thanh niên của xã, các liên Đội của các trường trong địa bàn, các trường  liên  xã... để tổ chức các hoạt động giáo dục về truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc ở địa phương, tổ chức cho HS thăm và tặng quà bà mẹ Việt Nam anh hùng tại ấp Tân Hồng xã Tân Hội, tổ chức cho HS giao lưu trò chơi dân gian và tổ chức cho HS giao lưu thể thao,  thăm và tặng quà các gia đình thương binh Liệt sĩ tại ấp kinh 5B xã Tân An. Qua đó đã giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho HS [H4-4.2-05]; [H1-1.3-05].

Mức 3:

Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với Đảng ủy, UBND xã Tân An,và phối hợp có hiệu quả với  xã đoàn Tân An trong việc xây dựng nhà trường đạt chuẩn văn hóa, tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, các trò chơi dân gian, lễ hội trăng rằm cho học sinh nhân dịp tết trung thu, Mừng Đảng Mừng Xuân, ngày Hội thiếu nhi tiến bước lên đoàn. [H4-4.2-06].

**2. Điểm mạnh**

BĐDCMHS đã cùng với nhà trường tham mưu tốt với cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lôi sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và  các nội dung giáo dục khác cho HS.

**3. Điểm yếu**

Hằng năm, BĐDCMHS  cùng với nhà trường huy động nguồn lực xã hội hóa cho nhà trường là lớn nhưng vẫn chưa đáp ứng đủ so với nhu cầu hỗ trợ các hoạt động giáo dục, chăm lo HS khó khăn; xây dựng cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị dạy học của nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng nhà trường tăng cường phối hợp chặt chẽ trong việc tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền xã  Tân An để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện hiệu quả phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường trong giai đoạn tiếp theo. Đồng thời, trong  các năm học nhà trường tiếp tục vận động nhiều nguồn lực để chăm lo cho HS giỏi, HS có hoàn cảnh khó khăn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 4:**

- Điểm mạnh cơ bản của nhà trường:

Mỗi năm trường thành lập BĐDCMHS và hoạt động theo quy định của Điều lệ trường tiểu học, Điều lệ BĐDCMHS do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành. Hằng năm, trường có kế hoạch, chương trình sinh hoạt định kỳ với BĐDCMHS của trường và từng lớp. Mối quan hệ giữa nhà trường và BĐDCMHS chặt chẽ, có sự thống nhất về kế hoạch hoạt động. BĐDCMHS hoạt động rất hiệu quả, góp phần tích cực trong các mặt hoạt động giáo dục của nhà trường. Nhà trường đã tích cực tham mưu với cấp ủy, chính quyền, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể tại địa phương để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, tăng cường các nguồn lực về cơ sở vật chất.

Điểm yếu cơ bản của nhà trường:  NĐiểm yếu cơ bản của nhà trường:  Nhà trường chưa huy động được nhiều nguồn lực, chưa vận động sự ủng hộ của các tổ chức cá nhân trên địa bàn để hỗ trợ cơ sở vật chất cho nhà trường.

- Kiến nghị đối với trường:

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
  + Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
  + Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 3: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Hằng năm, Trường Tiểu học Tân An thực hiện tốt  việc xây dựng kế hoạch giáo dục, đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và  mục tiêu giáo dục toàn diện. Nhà trường  đã  tổ chức dạy học đúng đủ các môn học và các hoạt động giáo dục thông qua các phương pháp, kĩ thuật dạy học được vận dụng linh hoạt, phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện của nhà trường. Sau mỗi định kì, học sinh được nhận xét đánh giá đúng theo quy định, đồng thời phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu ở các môn học, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Để đáp ứng mục tiêu giáo dục toàn diện, nhà trường đã đề cao vai trò của hoạt động GDNGLL, đây là hoạt động quan trọng góp phần giáo dục nhân cách phát triển toàn diện cho học sinh. Thông qua các hoạt động GDNGLL, rèn luyện kĩ năng sống,.. học sinh mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp; năng lực, phẩm chất các em được bộc lộ theo hướng tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện của nhà trường. Thực tế trong những năm qua, trường có tỷ lệ học sinh hoàn thành tốt nội dung các môn học được tăng lên, số học sinh chưa hoàn thành  kiến thức môn học đã từng bước khắc phục. Công tác phổ cập giáo dục của nhà trường được thực hiện tốt, từ năm 2016 đến năm 2019 trường được UBND huyện Tân Hiệp công nhận PCGD tiểu học mức độ 3.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;

c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Mức 2:

a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học dựa trên các công văn hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm của BGD&ĐT, SGD&ĐT tỉnh Kiên Giang và  PGD&ĐT Tân Hiệp. Nhà trường đã cụ thể hóa bằng kế hoạch hoạt động giáo dục, kế hoạch hoạt động chuyên môn năm để  triển khai đến toàn thể các tổ trưởng  chuyên môn và giáo viên trong phiên họp chuyên môn đầu năm. Từ đó, các tổ khối trưởng và giáo viên xây dựng được kế hoạch hoạt động cho từng khối lớp phù hợp với thưc tế [H5-5.1-01].

Nhà trường  tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, bộ phận chuyên môn xây dựng thời khóa biểu dựa trên phân phối chương trình của BGD&ĐT. Dạy đủ các môn học theo hướng dẫn về thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng BGD&ĐT; tài liệu hướng dẫn chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học ở tiểu học, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện bao gồm cả lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, an toàn giao thông, vệ sinh răng miệng, trải nghiệm sáng tạo, giáo dục tâm lý học đường [H1-1.5-03].

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được thông qua chi bộ, giải trình thông qua Hội nghị CB-GV-NV đầu năm học và được phòng giáo dục huyện Tân Hiệp phê duyệt [H5-5.1-01].

Mức 2:

Các kế hoạch giáo dục của nhà trường luôn thực hiện tốt, việc cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục như: khung thời gian năm học; các môn học bắt buộc,  môn tự chọn, việc lồng ghép các nội dung giáo dục, đánh giá, xếp loại học sinh [H5-5.1-01]; [H1-1.5-03].

Các hoạt động và kết quả giáo dục của nhà trường được phổ biến công khai trong các phiên họp hội đồng, qua Email để cán bộ, giáo viên được biết. Đồng thời phổ biến trong phiên họp CMHS, dán ở bảng tin nhà trường, để mọi người biết phối hợp và giám sát thực hiện. Tuy nhiên, việc công khai phổ biến kế hoạch giáo dục của nhà trường đến với CMHS chưa thật sự sâu rộng, từ đó nhà trường ít nhận được sự phản hồi ý kiến đóng góp từ phía CMHS [H1-1.9-02]; [H4-4.1-02].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã  xây dựng kế hoạch, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh bao gồm cả lồng ghép giáo dục kỹ năng sống, an toàn giao thông, vệ sinh răng miệng, an ninh quốc phòng, giáo dục tâm lý học đường. Bộ phận chuyên môn xây dựng thời khóa biểu dựa trên phân phối chương trình của BGD&ĐT, dạy đủ các môn học, đúng chương trình, dạy 2 buổi/ ngày, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng. Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Việc công khai phổ biến kế hoạch giáo dục của nhà trường đến CMHS chưa thật sự sâu rộng, do sự vắng mặt của CMHS trong các buổi họp phụ huynh tại trường học. Từ đó nhà trường ít nhận được sự phản hồi ý kiến đóng góp trực tiếp từ phía CMHS.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được về thực hiện chương trình giáo dục của cấp học, duy trì dạy học 2 buổi/ngày, đảm bảo giáo dục toàn diện cho HS. Từ năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng nhà trường sẽ tăng cường sự phối hợp chặt chẽ với BĐDCMHS từng lớp làm tốt công tác tuyên truyền, tác động đến tất cả cha mẹ học sinh quan tâm đến các hoạt động và kết quả giáo dục của nhà trường để nhận được sự đóng góp ý kiến góp phần xây dựng cho kế hoạch giáo dục của nhà trường hoàn thiện tốt hơn.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường luôn tổ chức dạy đủ các môn học theo hướng dẫn của BGD&ĐT về thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng BGD&ĐT; tài liệu hướng dẫn chuẩn kiến thức kỹ năng các môn học ở tiểu học; Thực hiện có hiệu quả dạy học Tiếng Việt 1-CNGD theo Quyết định số 3877/BGD&ĐT-GDTH ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Bộ Giáo dục-Đào tạo về việc triển khai dạy học Tiếng Việt 1-CNGD; dạy học Mĩ thuật theo Công văn số 1001/SGD&ĐT-GDTH ngày 16/6/2016 của Sở GD&ĐT về việc “Dạy học Mĩ thuật cấp tiểu học”. Nhà trường triển khai dạy học Ngoại ngữ từ khối lớp 3 đến khối lớp 5 theo Kế hoạch 887/KH-SGD&ĐT ngày 08/5/2017 của Sở GD&ĐT về triển khai thực hiện nhiệm vụ Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Tiếp tục tổ chức dạy học môn Tin học các lớp 3, 4, 5 theo tinh thần chỉ đạo tại Công văn số 3031/BGD&ĐT-GDTH ngày 17/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường thực hiện dạy học theo Mô hình trường học mới từ khối lớp 2 đến khối lớp 5 theo Công văn số 1317/SGD&ĐT-GDTH ngày 23/8/2017 của Sở GD&ĐT về  việc hướng dẫn triển khai mô hình trường học mới năm học 2017-2018 và những năm tiếp theo. Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

Đội ngũ GV của trường luôn vận dụng sáng tạo các phương pháp, kỹ thuật dạy học. Tổ chức nhiều hình thức dạy học tích cực theo mô hình trường học mới đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường [H1-1.4-12].

Nhà trường thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học theo quy định văn bản hợp nhất 03/VBHN-BGD&ĐT, ngày 28 tháng 09 năm 2016 của Bộ GD&ĐT. Cụ thể: đánh giá học sinh theo chuẩn kiến thức, kĩ năng đã quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và sự hình thành, phát triển năng lực, phẩm chất học sinh [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04].

Mức 2:

Nhà trường tổ chức thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh. Cụ thể: Có xây dựng kế hoạch áp dụng chương trình, phương pháp kỹ thuật dạy học tích cực; sắp xếp thời khóa biểu cho lớp học 2 buổi/ngày đảm bảo dạy đủ các môn học. Trong các tiết dạy, GV đã chú trọng lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với từng đối tượng HS đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của từng em và yêu cầu phát triển trong điều kiện thực tế của địa phương bằng việc tổ chức có hiệu quả sinh hoạt chuyên môn mới theo hướng nghiên cứu bài học [H5-5.2-02]; [H5-5.2-03].

Ngay thời điểm đầu năm học nhà trường tiến hành khảo sát chất lượng học sinh. Từ kết quả khảo sát đó nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Các tổ trưởng, giáo viên cụ thể hóa kế hoạch bồi dưỡng, phụ đạo của nhà trường để lựa chọn nội dung bồi dưỡng, phụ đạo phù hợp với đối tượng học sinh trong từng lớp. Quá trình này được thực hiện xuyên suốt trong cả năm học, hàng tháng có theo dõi, kiểm tra và đánh giá sự tiến bộ của học sinh. Nhờ vậy, tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học hàng năm đều đạt từ 99% trở lên và  học sinh được khen thưởng đạt 30%. Tuy nhiên, việc bồi dưỡng học sinh viết văn hay , giải  tốt toán nâng cao của giáo viên  chủ nhiệm  và bộ phận GV dạy môn chuyên như Tiếng Anh, Âm nhạc chưa tích cực  để phát triển năng khiếu cho các em học sinh có khả năng học tốt môn học. Điều đó cũng dẫn tới số lượng học sinh đạt giải thấp trong các kì thi HS năng khiếu do Phòng GD&ĐT, Sở GD&ĐT tổ chức [H5-5.2-03]; [H1-1.8-01].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường đều tiến hành rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục và có điểu chỉnh phù hợp, nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. Việc rà soát, phân tích , đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường chưa được thực hiện thường xuyên [H1-1.2-08].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện đúng các văn bản quy định của ngành về dạy đủ các môn học, đúng chương trình, kế hoạch, đảm bảo yêu cầu của chuẩn kiến thức kỹ năng, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù hợp với đối tượng học sinh, đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của từng em và yêu cầu phát triển trong điều kiện thực tế của nhà trường. Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học. Vào đầu năm học, giáo viên chủ nhiệm các lớp dựa vào phiếu bàn giao chất lượng và bài khảo sát chất lượng đầu năm để phân loại được số học sinh, từ đó có kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện theo tình hình thực tế của từng lớp. Do đó chất lượng dạy học được nâng cao, hàng năm tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt từ 98% trở lên. Tỉ lệ học sinh được khen thưởng hàng năm đạt từ 30% trở lên.

**3. Điểm yếu**

Việc bồi dưỡng học sinh có năng khiếu của một bộ phận nhỏ giáo viên chưa tích cực như rèn luyện viết văn hay, giải toán nâng cao, thi tiếng Anh, ca hát... Do giáo viên còn thiếu linh hoạt trong việc sắp xếp thời gian trong các buổi học, tiết học để dạy học theo sự phân hóa học sinh. Việc rà soát, phân tích , đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường chưa được thực hiện thường xuyên.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, Ban giám hiệu nhà trường tiếp tục chỉ đạo, phát huy tốt các phương pháp, kĩ thuật và hình thức dạy học phù hợp với đối tượng học sinh. Linh hoạt các hình thức tổ chức dạy học,  phân công GV có năng lực chuyên môn tốt đảm nhận việc bồi dưỡng học sinh có kiến thức  cơ bản vững  về Toán và tiếng Việt, Anh văn và có năng khiếu âm nhạc, vẽ để thành lập câu lạc bộ về môn học đó.  Ngoài ra, Ban giám hiệu thực hiện việc phối hợp với  CMHS để tạo điều kiện cho các em có thêm thời gian đến trường luyện tập vào các ngày nghỉ thứ bảy  trong tuần. Nhà trường có sự hỗ trợ, bồi dưỡng thêm kinh phí cho giáo viên trực tiếp bồi dưỡng học sinh năng khiếu từ nguồn ngân sách của Nhà nước. Hiệu trưởng quan tâm hơn việc chỉ đạo đánh giá các hoạt động giáo dục trong nhà trường thường xuyên để chất lượng dạy học của GV và HS ngày càng nâng cao.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

a) Đảm bảo theo kế hoạch;

b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;

c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường luôn chú trọng việc xây dựng kế hoạch tổ chức cho các em tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm góp phần hưởng ứng phong trào do ngành phát động. Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch  theo từng chủ đề, chủ điểm hàng tuần, hàng tháng và được thực hiện trong tiết giáo dục ngoài giờ lên lớp của từng khối lớp. Căn cứ theo kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh cơ bản theo đúng công văn hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về việc thực hiện công tác ngoại khoá trong năm học. Các hoạt động giáo dục khác được thực hiện đầy đủ theo kế hoạch như: Hoạt động ngoại khóa về nguồn; hoạt động vui chơi, thể dục thể thao; giao lưu văn hóa; hoạt động bảo vệ môi trường; lao động; hoạt động từ thiện, xã hội theo kế hoạch đề ra [H1-1.8-01].

Nhà trường đã thường xuyên tổ chức các hoạt động GDNGLL theo kế hoạch với nhiều hình thức, phù hợp với điều kiện nhà trường, phù hợp với lứa tuổi, đặc điểm tâm sinh lí và nhận thức của HS như: hoạt động ngoại khóa về nguồn “học sinh được tham gia thăm gia đình thương binh liệt sỹ; gia đình chính sách, thăm Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thăm di tích Đền Hùng ở Tân Hiệp. Các hoạt động vui chơi được tổ chức vào các dịp trung thu hàng năm, các trò chơi dân gian như thi nấu cơm bằng củi, trò bịt mắt đập niêu đất, kéo co, nhảy bao bố, đua thuyền trên cạn… Các môn thể thao được tập luyện để tham gia Hội khỏe Phù Đổng do các cấp, ngành tổ chức như: cờ vua, đá cầu, ném bóng, bật xa, bơi... Tuy nhiên, nhà trường chưa tổ chức được cho HS một số hoạt động ngoại khóa như đi tham quan, dã ngoại ở các khu du lịch, khu di tích lịch sử ngoài địa phương để HS tìm hiểu thêm kiến thức [H1-1.3-05]; [H1-1.8-01]; [H4-4.2-05].

Để đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia các hoạt động vui chơi, nhà trường đã tổ chức cho học sinh tham gia chơi theo khối lớp như các hoạt động chơi rung chuông vàng thông qua các kiến thức đã học. Các hoạt động thể thao có lựa chọn những học sinh có thể lực tốt, năng khiếu theo từng môn để tham dự thi cấp huyện, cấp tỉnh [H1-1.3-05]; [H1-1.1-07].

Mức 2:

Các hoạt động GDNGLL được nhà trường  tổ chức thường xuyên theo chủ điểm như: Biết ơn thầy cô giáo, giáo dục lòng kính trọng và biết ơn thầy cô giáo; ngày tết quê em, giáo dục truyền thống dân tộc; yêu quý mẹ và cô, giáo dục tình cảm yêu quý đối với bà, mẹ, cô giáo, chị em gái; Bác Hồ kính yêu, giáo dục tình cảm kính yêu Bác Hồ, giáo dục ý thức đội viên Đội TNTPHCM. Tất cả học sinh tham gia với tinh thần chủ động, tích cực, sáng tạo và đạt hiệu quả [H5-5.3-01].

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường được phân hóa theo nhu cầu và năng lực sở trường của học sinh như nhóm có năng khiếu hát hay  tham gia các hoạt động văn nghệ chào mừng các ngày lễ kỉ niệm theo chủ điểm. Nhóm học sinh có năng khiếu vẽ, tham gia thi vẽ tranh. Nhóm có thể lực tốt tham gia các môn thể thao, điền kinh. Qua các hoạt động đó, nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng, rèn luyện để các em tự tin tham dự các hội thi do các cấp tổ chức [H1-1.8-01]; [H5-5.3-01].

**2. Điểm mạnh**

Hằng năm, nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được tổ chức phong phú, đa dạng và phù hợp với từng lứa tuổi học sinh, tạo điều kiện cho tất cả học sinh đều được tham gia. Khi tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia với tinh thần tự giác, tích cực và ý thức trách nhiệm cao, đạt kết quả mục tiêu đề ra. Điều đó, đã tạo mối gắn bó giữa thầy và trò; kĩ năng sống của học sinh được hình thành và phát triển. Thông qua các hoạt động thực tế, giáo viên biết được năng lực, sở trường của  học sinh để bồi dưỡng, rèn luyện.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa tổ chức được cho HS một số hoạt động như đi tham quan, dã ngoại ở các khu di tích lịch sử ngoài địa phương  do không đủ điều kiện về kinh phí để tổ chức.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020, nhà trường sẽ tiếp tục phát huy những kết quả tổ chức các hoạt động NGLL đã đạt được. Ban giám hiệu và Tổng phụ trách Đội tiếp tục xây dựng kế hoạch hoạt động GD NGLL, kế hoạch tổ chức các phong trào cụ thể, chi tiết, có dự trù kinh phí để tổ chức được một số trải nghiệm thực tế cho học sinh. Hiệu trưởng đưa việc tham gia các hoạt động GDNGLL vào tiêu chí xét thi đua của GV. Hiệu trưởng chỉ đạo Phó hiệu trưởng lập kế hoạch, chọn thời điểm thích hợp để HS tham quan học tập. TPTĐ tiếp tục phát huy hơn nữa việc tổ chức các hoạt động GD NGLL. Hiệu trưởng tích cực tham mưu với các cấp lãnh đạo, các tổ chức đoàn thể trong địa phương, phối hợp với Ban Đại diện CMHS vận động các mạnh thường quân, CMHS nguồn kinh phí, để tổ chức cho HS được tham quan, dã ngoại ở các khu di tích lịch sử ngoài địa phương đối với HS khối 4-5, giúp các em bổ sung, mở rộng  thêm kiến thức về lịch sử, địa lí mà các em được học trong sách.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;

b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;

c) - Quản lý hồ sơ. - Số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Thực hiện theo Thông tư số 07/2016/TT-BGD&ĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT, quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xoá mù chữ. Nhà trường đảm bảo về nhân sự và cơ sở vật chất; Đầu tháng 8 hàng năm, nhà trường đã phân công cho cán bộ, giáo viên xuống các tổ nhân dân tự quản phúc tra; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục. Nhà trường thường xuyên quan tâm tạo mọi điều kiện kể cả vật chất lẫn tinh thần hỗ trợ cho trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ khuyết tật được tới trường học tập đầy đủ. Công tác tuyển sinh; huy động học sinh đến trường; tổ chức tuyên truyền "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường" được thực hiện tốt.  Phối  hợp với các ban ngành đoàn thể thực hiện có hiệu quả công tác phổ cập, thành lập các tổ nhóm  thực hiện công tác phúc tra phổ cập để cập nhật kịp thời dữ liệu lên phần mềm của Bộ. Trường đang được công nhận PCGD tiểu học mức độ 3 vào năm 2016, 2017, 2018 và 2019  theo Quyết định  của UBND huyện Tân Hiệp về việc công nhận các đơn vị xã, thị trấn đạt chuẩn PCGD tiểu học. Đến nay trường đang duy trì tốt để tiếp tục được công nhận lại. Trong địa bàn vẫn còn nhiều hộ dân chuyển đi, chuyển đến bất thường  ở tuyến dân cư vượt lũ nên nhà trường còn gặp khó khăn trong việc đi điều tra, tổng hợp, thống kê dục [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02].

Đầu năm, nhà trường liên hệ với trường mẫu giáo nắm được số lượng trẻ 6 tuổi, kết hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động phụ huynh cho trẻ đi học đúng độ tuổi quy định. Nhà trường tổ chức và thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, nhiều năm liên tục nhà trường huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1. Cụ thể 5 năm học sau đây nhà trường đã huy động trẻ 6 tuổi ra lớp 1 như sau: 2014 – 2015: 37/37 em; 2015 – 2016: 29/29 em; 2016 – 2017: 24/24 em; 2017 – 2018: 53/53 em; 2018 – 2019: 43/43 em [H5-5.4-02]; [H5-5.4-03].

Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý hồ sơ và lưu trữ số liệu phổ cập giáo dục theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP, ngày 24 tháng 03 năm 2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ. Cụ thể có sổ đăng bộ; sổ phổ cập giáo dục tiểu học [H5-5.4-04]; [H5-5.4-05].

Mức 2:

Hằng năm, nhà trường đã huy động trẻ vào lớp 1 đạt 100%  trong địa bàn tuyển sinh nhờ thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường"và phối hợp có hiệu quả với các ban, ngành địa phương [H5-5.4-03].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường đã huy động trẻ vào lớp 1 đạt 100% trong địa bàn tuyển sinh nhờ thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường"và phối hợp có hiệu quả với các ban, ngành địa phương [H5-5.4-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã tham gia và thực hiện tốt mục tiêu PCGD tiểu học trong nhiều năm liền. Tổ chức và thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, huy động đạt 100% trẻ trong độ tuổi ra lớp. Hồ sơ, sổ sách phục vụ công tác phổ cập được lưu trữ đầy đủ. Nhà trường thường xuyên quan tâm tạo mọi điều kiện kể cả vật chất lẫn tinh thần hỗ trợ cho trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ khuyết tật được tới trường học tập đầy đủ.

**3. Điểm yếu**

Một số học sinh thuộc khu vực tuyến dân cư vượt lũ còn thường xuyên chuyển đi, chuyển về vì theo cha mẹ làm ăn xa nên ảnh hưởng lớn đến việc học tập của học sinh; việc phúc tra, cập nhật số liệu thiếu chính xác.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong thời gian tới, nhà trường tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng về công tác PCGDTH đúng độ tuổi góp phần duy trì đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3 của xã với các biện pháp như: Cán bộ phổ cập phối hợp với GV thực hiện tốt việc huy động trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 100%; huy động tối đa trẻ từ 6 đến 14 tuổi ra lớp đạt và vượt chỉ tiêu trên giao. Nhà trường sẽ phối hợp thường xuyên với các đoàn thể địa phương có sự chỉ đạo chặt chẽ đến các hộ dân trong địa bàn hạn chế di chuyển để đảm bảo việc học tập của con em. Đồng thời Hiệu trưởng chỉ đạo từng giáo viên phụ trách địa bàn thực hiện tốt công tác phúc tra, chú ý đến các đối tượng chuyển đi, chuyển đến để cập nhật số liệu vào hồ sơ đầy đủ chính xác.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;

b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;

c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nâng cao chất lượng giáo dục luôn được nhà trường chú trọng. GV toàn trường tích cực đổi mới phương pháp dạy học đồng thời tăng cường các biệp pháp giúp đỡ HS, giảm tỉ lệ chưa đạt chuẩn kiến thức, kĩ năng của từng khối lớp. Hiệu quả giáo dục của nhà trường khá ổn định, tỉ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học hằng năm đều đạt trên 98%. Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học trong 5 năm qua đều đạt trên 98%. Cụ thể: Năm học 2014-2015 đạt 99,3%; Năm học 2015-2016 đạt 100%; Năm học 2016-2017 đạt 98,9%; Năm học 2017-2018 đạt 98,2%; Năm học 2018-2019  đạt 99,5%. Tuy nhiên, tỷ lệ HS hoàn thành tốt nội dung các môn học giữa các khối lớp chưa đồng đều. Vẫn còn một bộ phận nhỏ HS chưa hoàn thành chương trình lớp học do các em tiếp thu chậm, gia đình thiếu quan tâm [H1-1.2-09].

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi-lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học hằng năm đạt tỷ lệ trên93%. Năm học 2014-2015: 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 93,9%;  Năm học 2015-2016: 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 95,5%; Năm học 2016-2017: 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 96%; Năm học 2017 – 2018:11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 96,2%; Năm học 2018 – 2019:11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 98,8% [H5-5.5-01].

Trong 5 năm qua tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đều đạt 97,6% trở lên. Cụ thể: Năm học 2014-2015: 122/125 học sinh, đạt 97,6%; Năm học 2015-2016: 122/114 học sinh, đạt 98,2%, Năm học 2016-2017: 128/131 học sinh, đạt 97,7%; Năm học 2017-2018: 156/158 học sinh, đạt 98,7%; Năm học 2018-2019: 212/213 học sinh, đạt 99,5%  ; [H5-5.4-04].

Mức 2:

Trong 5 năm học qua, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học của trường tiểu học Tân An đều đạt từ 98% trở lên.

Trong 05 năm liên tiếp từ năm 2014-2015 đến 2018- 2019 nhà trường có tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học luôn duy trì ở mức ổn định. Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt từ 93,9 % trở lên [H5-5.5-01].

Mức 3:

Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học trong 5 năm qua đều đạt trên 98%.

Trong 5 năm qua, tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đều đạt 93,9 % [H5-5.5-01].

**2. Điểm mạnh**

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học và học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học có chuyển biến tích cực trong 5 năm liên tiếp. Tỷ lệ học HS hoàn thành chương trình lớp học hàng năm đạt 98%, tỷ lệ HS hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

**3. Điểm yếu**

Tỷ lệ HS hoàn thành tốt nội dung các môn học giữa các khối lớp chưa đồng đều. Vẫn còn một bộ phận nhỏ HS chưa hoàn thành chương trình lớp học do các em tiếp thu chậm, gia đình thiếu quan tâm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2019-2020 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì kết quả HS hoàn thành chương trình lớp học đã đạt được. Đồng thời chỉ đạo chuyên môn, các tổ khối trưởng tăng cường sinh hoạt chuyên đề về phương pháp dạy học để nâng tỉ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học và chương trình tiểu học. Chỉ đạo việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động chuyên môn cụ thể: trong việc phân công, thời gian, đánh giá, rút kinh nghiệm từng việc đã thực hiện có tính thống nhất giữa các tổ khối trưởng phù hợp với kế hoạch hoạt động chuyên môn, công tác PCGDTH của nhà trường. Tăng cường tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học gắn kết với việc tổ chức chuyên đề, thao giảng, dự giờ tạo mạch thống nhất, hợp tác giảng dạy có hiệu quả của các giáo viên trong khối lớp, và giữa giáo viên chủ nhiệm với từng giáo viên bộ môn. HT chỉ đạo GVCN, giáo viên bộ môn thực hiện tốt kế hoạch hoạt động chuyên môn trong việc phối hợp với CMHS để giáo dục học sinh, giúp học sinh có nền nếp học tập, tham gia, có ý thức tốt và đạt kết quả trong các hoạt động giáo dục.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 5:**

- Điểm mạnh cơ bản của nhà trường: Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch năm học phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị mang tính khả thi cao. Nhà trường luôn tổ chức dạy đủ các môn học, thực hiện đúng chương trình, kế hoạch đề ra. Đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức kỹ năng, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức, phù hợp với từng đối tượng học sinh. Nên những năm học vừa qua, chất lượng giáo dục toàn diện của trường luôn ổn định và từng bước nâng cao. Tỷ lệ HS được hoàn thành chương trình lớp học đều đạt và vượt chỉ tiêu theo quy định. Kết quả giáo dục của nhà trường đáp ứng yêu cầu mục tiêu giáo dục. Huy động trẻ ra lớp hàng năm đạt 100%. Đơn vị được công nhận đạt chuẩn Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3 năm 2016 và duy trì giữ chuẩn cho đến nay.

- Điểm yếu cơ bản của nhà trường: Tỉ lệ học sinh năng khiếu ở các lớp, các môn chưa đều nên tỉ lệ đạt giải cấp tỉnh chưa cao. Tỷ lệ HS hoàn thành tốt nội dung các môn học giữa các khối lớp chưa đồng đều. Vẫn còn một bộ phận nhỏ HS chưa hoàn thành chương trình lớp học do các em tiếp thu chậm. Nhà trường chưa tổ chức được cho HS nhiều hoạt động ngoại khóa như đi tham quan, dã ngoại ở các khu du lịch, khu di tích lịch sử ngoài địa phương để HS tìm hiểu thêm kiến thức.

- Kiến nghị đối với trường:

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
  + Không đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %
  + Đạt Mức 1: 5/5 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 2: 5/5 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 3: 5/5 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

**II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4**

**Tiêu chí 1**: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng trên cơ sở chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT, ngày 05/5/2006 của BGD&ĐT, ban hành chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học, chưa có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới. [H5-5.1-01]

**2. Điểm mạnh**

Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo mục tiêu giáo dục hiện hành.

**3. Điểm yếu**

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trước hết tập trung thực hiện kế hoạch giáo dục theo chương trình hiện hành để duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục theo kế hoạch phát triển chiến lược của nhà trường.

Thực hiện mục tiêu nâng mức đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục lên mức 3 và đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 vào năm 2024 để đảm bảo các điều kiện tối thiểu để tham khảo và áp dụng nội dung, chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Hằng năm thực hiện tốt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ CB - GV - NV theo hướng tiếp cận với chương trình giáo dục của các nước dục tiên tiến trong khu vực và thế giới.

Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục để thực hiện vào năm học 2024-2025

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 2**: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

**1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường có kế hoạch giáo dục chung, tuy vậy chưa có kế hoạch giáo dục cho HS có hoàn cảnh khó khăn; giáo dục cho HS có năng khiếu do đó chưa đảm bảo 100% cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan. [H5-5.1-01].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã đảm bảo được 100% HS hoàn thành mục tiêu giáo dục nói chung

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có kế hoạch giáo dục riêng cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu để hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2019 - 2020, nhà trường tổ chức tìm hiểu, nghiên cứu để xây dựng và tổ chức thực hiện hoạch giáo dục riêng cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu để hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan trong đó:

Phó hiệu trưởng cùng các tổ trưởng chuyên môn và TPT tìm hiểu, nghiên cứu để xây dựng và tổ chức thực hiện hoạch giáo dục riêng cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu.\

Hiệu trưởng phối hợp với BĐDCMHS, chính quyền, các đoàn thể để tuyên truyền và vận động các tổ chức, cá nhân liên quan tham gia thực hiện kế hoạch.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 3**: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Hiện tại thư viện của nhà trường đã được công nhận thư viện trường học tiên tiến theo Quyết định số 156/QĐ - SGDĐT, ngày 4 tháng 3 năm 2020. Đồng thời, thư viện có 01 máy tính, được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, GV- NV và HS[H3-3.6-06]

**2. Điểm mạnh**

Thư viện của nhà trường đã được công nhận thư viện trường học tiên tiến theo Quyết định số 156/QĐ - SGDĐT, ngày 4 tháng 3 năm 2020. Đồng thời, thư viện có 01 máy tính, được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, GV- NV và HS.

**3. Điểm yếu**

Thư viện chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại; chưa có nguồn tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm 2019 – 2020 tiến hành xây dựng và từng bước tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng thư viện đạt danh hiệu tiên tiến theo Quyết định 01/2003/QĐ/BGDĐT ngày 02/01/2003 của Bộ GD&ĐT về ban hành quy định tiêu chuẩn Thư viện trường phổ thông vào năm học 2019-2020. Năm học 2019 - 2020 HT tham mưu với Phòng GD&ĐT Huyện Tân Hiệp cấp kinh phí để xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet và tổ chức số hóa nguồn tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 4**: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Nhà trường có xây dựng kế hoạch chiến lược; Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm này, nhà trường đã hoàn thành các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường như: Giữ vững và phát triển uy tín, thương hiệu về chất lượng giáo dục và chất lượng toàn diện. Đối với các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2020 [H1-1.1-06].

Đối với CB - GV - NV, năng lực chuyên môn của CB - GV - NV được đánh giá khá, tốt đạt 100% (Chỉ tiêu 80% trở lên); có 28/29 CB - GV - NV có trình độ cao đẳng và đại học, đạt 96,5% (chỉ tiêu: 80% trở lên). Năm học 2017 – 2018 có 9 GV đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp huyện, đạt tỷ lệ 37,5% ; 2 GV giỏi cấp tỉnh tỷ lệ 8,3%. Đối với HS, tỷ lệ hoàn thành chương trình lớp học đạt 98,9% trở lên. Trong đó, tỷ lệ học sinh được khen thưởng đạt 30,3% trở lên ; Hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100% . [H1-1.1-07].

Đối với cơ sở vật chất, đã hoàn thành mục tiêu xây dựng môi trường sư phạm “Xanh- Sạch- Đẹp”, cơ sở vật chất hiện có được sử dụng có hiệu quả, đảm bảo đủ diện tích để xây để xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia [H3-3.1-01]

Tuy nhiên, về HS, việc trang bị các kỹ năng sống cơ bản còn hạn chế, ít được trải nghiệm, một số chưa tích cực tham gia hoạt động xã hội. Về cơ sở vật chất, còn thiếu nhà đa năng, thiết bị phòng ngoại ngữ. Chưa hoàn thành công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

**2. Điểm mạnh**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm này, nhà trường đã hoàn thành phần lớn các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường như: Giữ vững và phát triển uy tín, thương hiệu về chất lượng giáo dục và chất lượng toàn diện; các chỉ tiêu về số lượng, chất lượng CB - GV - NV; các chỉ tiêu về HS và hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu về cơ sở vật chất.

**3. Điểm yếu**

Về học sinh, việc trang bị các kỹ năng sống cơ bản còn hạn chế, ít được trải nghiệm, một số chưa tích cực tham gia hoạt động xã hội. Về cơ sở vật chất, còn thiếu nhà đa năng, phòng ngoại ngữ, phòng họp. Trường chưa được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm 2019 – 2020, HT tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục theo hướng tăng cường kỹ năng sống cho học sinh, trong đó chú trọng việc trải nghiệm cho học sinh.

HT tiếp tục tổ chức thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng cụ thể: Phấn đấu mỗi tiêu chí đạt mức 2 trở lên để tạo tiền đề cho việc công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Đồng thời thường xuyên tham mưu với chính quyền địa phương và PGD&ĐT đầu tư xây dựng nhà đa năng.

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 5**: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến nay, nhà trường có 04 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng đã góp phần cho nhà trường được công nhận tập thể lao động xuất sắc ở các năm: 2015-2016; 2016-2017; 2017 - 2018; 2018-2019 [H6-M4-5-01].

**2. Điểm mạnh**

Trong 05 năm liên tiếp tính đến nay, nhà trường có năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng trong huyện.

**3. Điểm yếu**

Hiện trường thuộc nhóm các trường dẫn đầu trong huyện về chất lượng giáo dục và các hoạt động khác tuy vậy chưa thật sự vững chắc.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hằng năm xây dựng kế hoạch giáo dục sát hợp với tình hình thực tế để phát huy mặt mạnh và đề ra giải pháp phù hợp khắc phục hạn chế để nâng cao chất lượng giáo dục và giáo dục toàn diện.

Thực hiện theo đúng lộ trình và đạt đạt hiệu quả kế hoạch cải tiến các tiêu chí để nâng chất lượng toàn diện của nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt

**Kết luận:**

Kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo mục tiêu giáo dục hiện hành; đảm bảo 100% cho HS hoàn thành mục tiêu giáo dục nói chung và 100% HS khuyết tật học hòa nhập nói riêng; có kế hoạch để giúp cho HS năng khiếu phát huy năng lực, sở trường của bản thân với sự tham gia của nhà trường. Thư viện đạt chuẩn theo Quyết định 01/2003/QĐ/BGDĐT ngày 02/01/2003 của Bộ GD&ĐT, có máy tính kết nối Internet và có nguồn tài liệu truyền thống đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường. Có đủ điều  kiện cơ bản, làm nền tảng xây dựng thư viện đạt tiên tiến. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm này, nhà trường đã hoàn thành phần lớn các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường như: Giữ vững và phát triển uy tín, thương hiệu về chất lượng giáo dục và chất lượng toàn diện; các chỉ tiêu về số lượng, chất lượng cán bộ, giáo viên và nhân viên; các chỉ tiêu về học sinh và hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu về cơ sở vật chất;  có năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng trong huyện.

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới. Thư viện chưa có nguồn tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường. Về HS, việc trang bị các kỹ năng sống cơ bản còn hạn chế, ít được trải nghiệm, một số chưa tích cực tham gia hoạt động xã hội. Về cơ sở vật chất, còn thiếu nhà đa năng, phòng ngoại ngữ, phòng họp. Trường chưa được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
  + Không đạt: 4/5 tiêu chí chiếm 80 %
  + Đạt: 1/5 tiêu chí chiếm 20 %

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
  + Không đạt: 0/27 chiếm 0 %
  + Đạt Mức 1: (27/27) (27/27) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 2: (27/27) (27/27) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 3: (26/27) (18/19) tiêu chí chiếm 96.3 %
* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
  + Không đạt: 4/5 tiêu chí chiếm 80 %
  + Đạt: 1/5 tiêu chí chiếm 20 %

Qua quá trình tự đánh giá, nhà trường có những điểm mạnh, điểm yếu nổi bật cụ thể như sau:

-Nhà trường có phương hướng chiến lược phù hợp mục tiêu giáo dục và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có tổ chức Đảng và các đoàn thể của Nhà trường, được thành lập có tổ chức chặt chẽ, hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ, có đóng góp tích cực vào kết quả chung của nhà trường, hằng năm được đánh giá vững mạnh. Nhà trường thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.; có quy mô vừa phải, cơ cấu lớp, học sinh/lớp phù hợp, đảm bảo theo quy định; có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ, thực hiện tốt công tác phân công nhân sự và luôn đảm bảo các quyền của cán bộ, giáo viên và nhân viên trong đơn vị; thực hiện tốt Quy chế dân chủ trong nhà trường; thực hiện đầy đủ các các phương án  để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

***-***Về cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu cán bộ quản lý, GV và nhân viên, đảm bảo 100% đạt chuẩn trở lên, được bố trí phù hợp với vị trí việc làm. Học sinh có độ tuổi đảm bảo đúng theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học, HS thực hiện tốt nhiệm vụ và được đảm bảo các quyền theo quy định, có nhiều HS có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

-Về cơ sở vật chất, Trường có khuôn viên của cả 3 điểm trường rộng rãi, đảm bảo 20 m2/HS, có tường rào bao quanh, có cổng, biển trường, có sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây cảnh, cây kiểng, cây bóng mát; có thiết bị vận động để HS vui chơi để các em học tập và rèn luyện theo Điều lệ trường tiểu học; đảm bảo  mỗi lớp 1 phòng học với đủ tranh thiết bị cho HS và GV có khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị và được trang bị đầy đủ trang thiết bị để hoạt động,…; có khu vệ sinh riêng biệt cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh, phù hợp với cảnh quan nhà trường, luôn sạch sẽ, đảm bảo không ô nhiễm môi trường. Nhà trường có hệ thống cống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; có nước sinh hoạt, nước uống đảm bảo hợp vệ sinh; có phương án làm vệ sinh, thu gom rác phù hợp với từng điểm trường, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Thư viện trường đã đạt chuẩn theo Quyết định 01/2013 của Bộ GD-ĐT năm 2011.

-Về quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, Nhà trường có BĐD CMHS và hoạt động theo quy định, đạt có hiệu quả cao, góp phần tích cực trong các mặt hoạt động giáo dục của nhà trường; mối quan hệ giữa nhà trường và BĐD CMHS chặt chẽ, có sự thống nhất về kế hoạch hoạt động.  Nhà trường đã tích cực tham mưu với cấp ủy, chính quyền, phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể tại địa phương để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, tăng cường các nguồn lực về cơ sở vật chất.

-Về hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục, nhà trường có kế hoạch năm học phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị mang tính khả thi cao, tổ chức dạy đủ các môn học, thực hiện đúng chương trình, kế hoạch đề ra. Đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức kỹ năng, lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức, phù hợp với từng đối tượng học sinh. Tỷ lệ HS được hoàn thành chương trình lớp học đều đạt và vượt chỉ tiêu theo quy định. Kết quả giáo dục của nhà trường đáp ứng yêu cầu mục tiêu giáo dục. Huy động trẻ ra lớp hàng năm đạt 100%. Đơn vị được công nhận đạt chuẩn Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 3 năm 2017 và duy trì giữ chuẩn cho đến nay.

-Về mức 4, trong 5 năm liên tiếp, kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo mục tiêu giáo dục hiện hành, 100% học sinh hoàn thành mục tiêu giáo dục nói chung và 100%. Thư viện của nhà trường đã đạt chuẩn theo Quyết định 01/2003/QĐ/BGD-ĐT ngày 02/01/2003 của Bộ GD-ĐT. Trường đã hoàn thành phần lớn các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường như: Giữ vững và phát triển uy tín, thương hiệu về chất lượng giáo dục và chất lượng toàn diện; các chỉ tiêu về số lượng, chất lượng cán bộ, giáo viên và nhân viên; các chỉ tiêu về học sinh và hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu về cơ sở vật chất; có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng trong huyện.

Bên cạnh đó, Hội Đồng tự đánh giá của Nhà trường đã nhận thấy những điểm yếu cơ bản sau:

-Về tổ chức và quản lý, Nhà trường chưa rà soát bổ sung phương hướng chiến lược, chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

-Về cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, chưa có biên chế giáo viên chuyên dạy Mĩ thuật theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT *về hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập*.

-Về cơ sở vật chất, chưa có phòng giáo dục thể chất, (nhà đa năng), chưa có phòng họp.

-Về hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục, tỷ lệ HS hoàn thành tốt nội dung các môn học giữa các khối lớp chưa đồng đều. Nhà trường chưa tổ chức được cho HS nhiều hoạt động ngoại khóa như đi tham quan, dã ngoại ở các khu du lịch, khu di tích lịch sử ngoài địa phương để HS tìm hiểu thêm kiến thức.

-Về Mức 4, kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới. Thư viện chưa có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại; chưa có nguồn tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường

Với điểm mạnh, điểm yếu nêu trên, kể từ năm học 2019 – 2020 Nhà trường thực hiện những công việc chủ yếu sau:

-Căn cứ vào kế hoạch cải tiến của từng tiêu chí để xây dựng kế hoạch cải tiến với lộ trình và chủ thể thực hiện cụ thể.

-Tập trung tham mưu với Đảng ủy, UBND xã  Tân An và Phòng GD-ĐT Tân Hiệp  đầu tư các hạng mục phòng chức năng; tuyển dụng bổ sung thêm vị trí việc làm môn mỹ thuật..

-Hiệu trưởng tổ chức để đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện kế hoạch cải tiến theo lộ trình.

Trên đây là toàn bộ quá trình tự đánh giá một cách liên tục trong suốt quá trình làm việc, đầu tư công sức, trí tuệ miệt mài của tập thể cán bộ, GV, nhân viên nhà trường mà tiêu biểu là các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, nhóm thư ký và nhóm công tác.Qua công tác tự đánh giá về chất lượng giáo dục của cơ sở đã giúp cho các thành viên trong toàn thể hội đồng nhà trường có được sự nhìn nhận xác thực về chất lượng, hiệu quả mọi hoạt động giảng dạy, giáo dục của đơn vị trong suốt những năm qua. Trên cơ sở nhận định mức độ đạt được, nhà trường kiện toàn lại hệ thống chính trị, điều chỉnh và bổ sung lại những mặt còn thiểu sót. Xây dựng lại lực lượng nòng cốt để điều hành bộ máy hoạt động theo những tiêu chuẩn giáo dục đã quy định. Đây cũng là cơ sở để có định hướng xây dựng và phát triển Nhà trường trong những năm học tới. Về cơ bản đã thực hiện tốt nhiệm vụ, mục tiêu giáo dục đề ra theo xu hướng phát triển. Nhưng cũng còn có nhiều mặt cần phấn đấu để hoàn thiện hơn trong những năm tiếp theo.

Đối chiếu với các thành quả về hoạt động giáo dục mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua với Bộ tiêu chuẩn đánh giá trường tiểu học được Bộ Giáo dục Đào tạo ban hành; trong quá trình tự đánh giá nhà trường đã đạt được những kết quả cụ thể về các tiêu chí và chỉ số như sau:

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN AN tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt mức độ 1 trường chuẩn Quốc Gia.

*……………, ngày ..............tháng ............. năm 20..........*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Phần IV**

**PHỤ LỤC**